

Số: 05/ 2015/ TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện

Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện đã được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Việc sử dụng tần số vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh và các trường hợp được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện quy định tại Điều 27 của Luật tần số vô tuyến điện;

b) Việc cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện của đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không;

c) Việc cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho đài vệ tinh trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đến thăm Việt Nam được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao và phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ cho đoàn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đài vệ tinh trái đất* là đài vô tuyến đặt trên bề mặt trái đất hoặc trong tầng khí quyển để liên lạc với đài vệ tinh không gian.

Đài vệ tinh không gian là đài vô tuyến điện đặt trên vệ tinh nhân tạo của trái đất có quỹ đạo địa tĩnh hoặc phi địa tĩnh.

2. *Đài vô tuyến điện nghiệp dư* là đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư.

Nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư là nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện nhằm mục đích tự đào tạo, nghiên cứu kỹ thuật thông tin do các khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư thực hiện vì sở thích cá nhân, không vì mục đích lợi nhuận và được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. *Đài cố định* là đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ cố định.

Nghiệp vụ cố định là nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện giữa các điểm cố định đã xác định trước.

4. *Đài di động* là đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động, sử dụng lúc chuyển động hoặc tạm dừng ở những điểm không định trước.

Nghiệp vụ di động là nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện giữa các đài di động và các đài mặt đất hoặc giữa các đài di động.

Đài mặt đất là đài thuộc nghiệp vụ di động nhưng không sử dụng trong khi chuyển động.

5. *Đài tàu* là đài di động có sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng hải đặt trên tàu, thuyền và các phương tiện nổi khác.

Nghiệp vụ di động hàng hải là nghiệp vụ di động giữa đài bờ với đài tàu hoặc giữa các đài tàu với nhau hoặc giữa các đài thông tin trên tàu; các đài cứu nạn và các đài pha vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp cũng thuộc nghiệp vụ này.

6. *Đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá* là đài di động đặt trên phương tiện nghề cá, sử dụng tần số dành cho phương tiện nghề cá và các tần số để bảo đảm an toàn trên biển.

7. *Đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá* là đài vô tuyến điện đặt trên đất liền, sử dụng tần số dành cho phương tiện nghề cá để liên lạc với phương tiện nghề cá, không cung cấp dịch vụ viễn thông.

8. *Đài bờ* là đài vô tuyến điện đặt trên đất liền, sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, tần số dành cho phương tiện nghề cá để liên lạc với tàu, thuyền và các phương tiện nổi khác.

9. *Đài truyền thanh không dây* là đài vô tuyến điện truyền tín hiệu âm thanh một chiều từ đài phát đến các cụm loa không dây.

10. *Mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động* là mạng thông tin gồm các đài vô tuyến điện di động hoặc các đài vô tuyến điện cố định và di động do tổ chức, cá nhân thiết lập để phục vụ liên lạc cho các thành viên của mạng, không nhằm mục đích sinh lợi trực tiếp từ hoạt động của mạng.

11. *Mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ* là mạng thông tin gồm các đài vô tuyến điện di động do tổ chức, cá nhân thiết lập tại địa điểm có địa chỉ và phạm vi xác định mà chủ mạng đó được quyền sử dụng để phục vụ liên lạc nội bộ không nhằm mục đích sinh lợi trực tiếp từ hoạt động của mạng.

12. *Cơ quan đại diện nước ngoài* bao gồm cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao.

Điều 3. Cơ quan cấp, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Cục Tần số vô tuyến điện thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông cấp, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với các trường hợp ngoài trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục Tần số vô tuyến điện cấp, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá; giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây; giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện có công suất hạn chế, sử dụng trong thời gian dưới mười lăm ngày tại các lễ hội, sự kiện, triển lãm, hội chợ.

Điều 4. Cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Các thiết bị vô tuyến điện kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện phải là thiết bị đã được chứng nhận hợp quy theo quy định.

2. Đối với trường hợp cấp giấy phép trực tiếp, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được lập thành một bộ. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đầy đủ, đúng quy định trước thì được xem xét cấp giấy phép trước.

3. Đối với giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được cấp lần đầu, thời hạn của giấy phép được cấp theo đề nghị của tổ chức, cá nhân nhưng không vượt quá thời hạn tối đa tương ứng với từng loại giấy phép và bảo đảm phù hợp với các quy hoạch tần số vô tuyến điện. Trường hợp cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép tương ứng thì chỉ được xem xét gia hạn tối đa là một năm.

4. Các giới hạn phát xạ vô tuyến điện trong Giấy phép sử dụng băng tần được quy định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì áp dụng tiêu chuẩn quốc tế và khả năng thực tế của công nghệ để bảo đảm giảm thiểu khả năng gây nhiễu có hại.

5. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy phép sử dụng băng tần có trách nhiệm báo cáo định kỳ cho Cục Tần số vô tuyến điện Danh mục thiết bị phát sóng vô tuyến điện sử dụng trong mạng thông tin vô tuyến điện (theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này) trong thời gian từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 15 tháng 10 hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Cục Tần số vô tuyến điện.

6. Đối với các trường hợp phải đăng ký, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện theo quy định tại Điều 41 của Luật tần số vô tuyến điện, trong thời gian thực hiện đăng ký, phối hợp theo quy định của Liên minh viễn thông quốc tế, Cục Tần số vô tuyến điện chỉ xét cấp giấy phép tạm thời. Tổ chức, cá nhân phải ngừng hoạt động nếu việc đăng ký, phối hợp không thành công. Việc cấp phép chính thức được thực hiện theo kết quả đăng ký, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện với Liên minh viễn thông quốc tế.

7. Mẫu giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

Điều 5. Gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Trước khi hết hạn ít nhất là ba mươi ngày đối với Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, sáu mươi ngày đối với Giấy phép sử dụng băng tần, chín mươi ngày đối với Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh, tổ chức, cá nhân phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để được gia hạn theo đúng quy định. Giấy phép được gia hạn chỉ kéo dài thời hạn sử dụng, các thông số khác của giấy phép không thay đổi.

2. Trường hợp không tuân thủ thời gian quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân muốn tiếp tục sử dụng tần số phải làm thủ tục như thủ tục cấp mới và phải sử dụng tần số mới nếu tần số sử dụng trước đây đã được cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

3. Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải làm hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

4. Tổ chức, cá nhân được đề nghị gia hạn giấy phép kết hợp với sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép, phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 6. Ngừng sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh

1. Trong thời hạn còn hiệu lực của giấy phép, nếu tổ chức, cá nhân không còn nhu cầu sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh thì thông báo bằng văn bản cho Cục Tần số vô tuyến điện theo mẫu Thông báo ngừng sử dụng quy định tại các mẫu Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện - Phụ lục 2 của Thông tư này.

2. Trường hợp doanh nghiệp viễn thông sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh để cung cấp dịch vụ viễn thông, trước khi gửi thông báo ngừng sử dụng tần số cho Cục Tần số vô tuyến điện doanh nghiệp phải hoàn tất các thủ tục ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điều 7. Cấp lại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Trường hợp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, tổ chức, cá nhân đã được cấp phép phải gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

2. Nội dung của văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện bao gồm thông tin về số giấy phép, ngày cấp, ngày hết hạn, lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

Điều 8. Kê khai và hủy bỏ hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các tài liệu và nội dung kê khai trong hồ sơ.

Các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện mà Thông tư này không yêu cầu công chứng hoặc chứng thực thì phải được tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xác nhận là tài liệu do tổ chức, cá nhân đó gửi bằng cách đóng dấu (đối với tổ chức) hoặc ký xác nhận (đối với cá nhân, hộ kinh doanh) vào từng tài liệu.

2. Tổ chức, cá nhân không phải nộp lại các tài liệu quy định trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện khi đã nộp trong lần đề nghị cấp phép trước đó nếu tài liệu còn hiệu lực và không có sự thay đổi về nội dung.

3. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện bị hủy bỏ trong các trường hợp sau:

a) Sau ba mươi ngày kể từ ngày gửi thông báo về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mà Cục Tần số vô tuyến điện không nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, cá nhân.

b) Sau ba mươi ngày kể từ ngày gửi thông báo nộp lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện mà tổ chức, cá nhân không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ phí, lệ phí theo quy định để được nhận giấy phép.

Điều 9. Kê khai hồ sơ và cấp phép bằng phương tiện điện tử

1. Việc kê khai hồ sơ bằng phương tiện điện tử và việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện bằng phương tiện điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và phải đáp ứng quy định về hồ sơ, thủ tục của Thông tư này.

2. Việc áp dụng hình thức cấp phép điện tử đối với việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được công bố

công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Tần số vô tuyến điện (www.cuctanso.vn và www.rfd.gov.vn).

Điều 10. Nộp lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện và nhận giấy phép

Tổ chức, cá nhân chỉ được nhận giấy phép khi đã nộp đủ lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép tương ứng và nộp đủ phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

CHƯƠNG II

THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THU HỒI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Mục 1

CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1b Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư được cấp hoặc công nhận theo Quyết định số 18/2008/QĐ-BTTTT ngày 04 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành quy định về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu;

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1c Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu; hoặc

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

1. Đối với tổ chức là cơ quan báo chí:

a) Hồ sơ cấp mới gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương);

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình đối với nội dung kênh chương trình phát sóng nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương).

c) Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

2. Đối với tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

a) Hồ sơ cấp mới gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông (loại hình mạng: mạng viễn thông cố định mặt đất);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng.

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông (loại hình mạng: mạng viễn thông cố định mặt đất) nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng (nếu Giấy chứng nhận được cấp trước đây có thay đổi).

c) Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

3. Đối với tổ chức không phải là cơ quan báo chí phát các chương trình phát thanh, phát lại các chương trình truyền hình quảng bá:

a) Hồ sơ cấp mới gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông sở tại đối với việc phát chương trình phát thanh (nêu rõ tên chương trình được phát), phát lại chương trình truyền hình của địa phương mình (nêu rõ tên chương trình được phát lại); hoặc

Văn bản đồng ý của Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Bộ Thông tin và Truyền thông đối với việc phát lại chương trình phát thanh, truyền hình của địa phương khác (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương).

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này.

c) Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1đ Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông sở tại đối với việc truyền tải thông tin bằng đài truyền thanh không dây.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 15. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1e Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 16. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1g Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (không áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ);

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu; hoặc

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 17. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS)

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1h Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu; hoặc

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1i Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu; hoặc

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 19. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1k Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao văn bản cho phép tạm nhập tái xuất thiết bị vô tuyến điện do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 20. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện của Cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn

1. Đối với đài vô tuyến điện (trừ đài vệ tinh trái đất) của Cơ quan đại diện nước ngoài:

a) Hồ sơ cấp mới gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan;

- Văn bản đề nghị của Bộ Ngoại giao (đối với đài vô tuyến điện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự).

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;
- Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

c) Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;
- Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

2. Đối với đài vô tuyến điện (trừ đài vệ tinh trái đất) của đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép:

a) Hồ sơ cấp mới gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1k Phụ lục 2 của Thông tư này;
- Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn.

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1k Phụ lục 2 của Thông tư này.

c) Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1k Phụ lục 2 của Thông tư này;
- Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 21. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vệ tinh trái đất (trừ đài vệ tinh trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1m Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan (áp dụng cho đài vệ tinh trái đất thuộc mạng viễn thông đã được cấp giấy phép); hoặc

Bản sao công chứng hoặc chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) Hợp đồng sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh (áp dụng cho đài vệ tinh trái đất hoạt động độc lập của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của các doanh nghiệp viễn thông đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép); hoặc

Bản sao Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình qua vệ tinh (áp dụng đối với cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình); hoặc

Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh ngoài biển, công ty đa quốc gia, cơ quan Chính phủ, khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao khi sử dụng vệ tinh khu vực hoặc quốc tế); hoặc

Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp được phép tham gia hoạt động bảo đảm an toàn hàng không, an toàn hàng hải theo quy định của Tổ chức Hàng không thế giới - ICAO, Tổ chức Hàng hải thế giới - IMO khi sử dụng vệ tinh khu vực hoặc quốc tế).

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

- a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;
- b) Bản sao một trong các giấy tờ tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này (nếu giấy tờ yêu cầu tương ứng trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;
- b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài cố định, đài bờ (không liên lạc với vệ tinh), thiết bị riêng lẻ và các trường hợp không quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 và Điều 21 của Thông tư này

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

- a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1a Phụ lục 2 của Thông tư này;
- b) Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan;
- c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu; hoặc

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

- a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 23. Thời gian giải quyết cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cho đài vô tuyến điện nghiệp dư, đài tàu, đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết cấp, gia hạn sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cho các trường hợp còn lại, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn hai mươi ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

2. Trường hợp đặc biệt, khi hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện của cùng một tổ chức, cá nhân gửi trong vòng hai mươi ngày làm việc có số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo bằng văn bản lý do và dự kiến thời gian giải quyết (tối đa không quá sáu tháng) cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

3. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

5. Đối với trường hợp phải thay đổi tần số do không xử lý được nhiễu có hại, thời hạn giải quyết cấp giấy phép không quá mười ngày làm việc kể từ ngày có kết luận về xử lý nhiễu có hại.

Điều 24. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và giao nhận giấy phép

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện nộp hồ sơ và nhận giấy phép tại một trong các cơ quan sau (địa chỉ được ghi tại Phụ lục 2 của Thông tư này hoặc được thông tin cụ thể trên trang thông tin điện tử của Cục Tần số vô tuyến điện (www.cuctanso.vn và www.rfd.gov.vn):

1. Cục Tần số vô tuyến điện.

2. Các Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục Tần số vô tuyến điện.

3. Các cơ quan phối hợp khác do Cục Tần số vô tuyến điện ủy quyền. Danh sách các cơ quan phối hợp được thông báo trên trang thông tin điện tử của Cục Tần số vô tuyến điện.

Mục 2

CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

Điều 25. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng băng tần

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Đối với tổ chức, doanh nghiệp đã thắng trong đấu giá hoặc trúng tuyển trong thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì không phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sử dụng băng tần và được cấp Giấy phép sử dụng băng tần sau khi đã được cấp giấy phép viễn thông có liên quan.

b) Đối với tổ chức, doanh nghiệp được xét cấp giấy phép theo hình thức cấp giấy phép trực tiếp, hồ sơ gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng băng tần theo mẫu 2 Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao giấy phép viễn thông có liên quan.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng băng tần theo mẫu 2 Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép viễn thông có liên quan (nếu giấy phép viễn thông được cấp trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng băng tần theo mẫu 2 Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 26. Thời gian giải quyết cấp Giấy phép sử dụng băng tần

1. Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng băng tần như sau:

a) Đối với trường hợp đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: cấp mới trong thời hạn không quá hai mươi ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp thắng trong đấu giá hoặc trúng tuyển trong thi tuyển được cấp giấy phép viễn thông; gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong

thời hạn không quá sáu mươi ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Không áp dụng quy định này khi trong Quy định về đấu giá, thi tuyển có quy định riêng.

b) Đối với trường hợp cấp giấy phép trực tiếp: cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn không quá sáu mươi ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

2. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, doanh nghiệp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 27. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và giao nhận Giấy phép sử dụng băng tần

Cơ quan nhận hồ sơ và giao nhận Giấy phép sử dụng băng tần: Cục Tần số vô tuyến điện (địa chỉ: số 115, đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

Mục 3

CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

Điều 28. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo mẫu 3 Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 29. Thời gian giải quyết cấp giấy phép

1. Cục Tần số vô tuyến điện thẩm định và giải quyết cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn không quá bốn mươi lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

2. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, doanh nghiệp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 30. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và giao nhận giấy phép

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và giao nhận Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh: Cục Tần số vô tuyến điện (địa chỉ: số 115, đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

Mục 4

THU HỒI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 31. Thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Việc thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về tần số vô tuyến điện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật tần số vô tuyến điện được quy định như sau:

a) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 23 của Luật tần số vô tuyến điện, việc thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện căn cứ vào quyết định của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm c, d và e khoản 1 Điều 23 của Luật tần số vô tuyến điện, việc thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện căn cứ vào kết luận của Thanh tra hoặc kết quả kiểm tra tần số vô tuyến điện hoặc quyết định của Tòa án.

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 của Luật tần số vô tuyến điện, việc thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện nếu sau sáu mươi ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền gửi thông báo về phí, lệ phí hoặc về các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định mà tổ chức, cá nhân không nộp đủ phí, lệ phí tần số vô tuyến điện hoặc không thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

d) Đối với trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 của Luật Tần số vô tuyến điện, việc thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện theo quyết định thu hồi giấy phép viễn thông, giấy phép hoạt động phát thanh truyền hình tương ứng.

2. Tổ chức, cá nhân phải ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Quyết định thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện của Cục Tần số vô tuyến điện.

3. Danh sách tổ chức, cá nhân có giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện bị thu hồi và lý do thu hồi được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Tần số vô tuyến điện.

CHƯƠNG III

CHO THUÊ, CHO MƯỢN THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 32. Quy định về cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện

1. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tàu biển, tàu bay, tàu sông, phương tiện nghề cá, đài vô tuyến điện nghiệp dư và chủ sở hữu các phương tiện giao thông khác có trang bị thiết bị vô tuyến điện (trừ đài vệ tinh trái đất) có thể cho tổ chức, cá nhân khác thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện đã được cấp giấy phép của mình để khai thác.

2. Bên cho thuê, cho mượn và bên thuê, bên mượn thiết bị vô tuyến điện phải tuân thủ quy định trong Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Các hành vi vi phạm pháp luật về tần số vô tuyến điện của bên thuê, bên mượn, bên cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện xử lý theo quy định.

3. Bên cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện có trách nhiệm:

a) Bảo đảm bên thuê, bên mượn thiết bị vô tuyến điện không thuộc danh sách bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được thông báo công khai theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Thông tư này;

b) Kiểm tra, lưu giữ trong quá trình cho thuê, cho mượn và sau khi chấm dứt việc cho thuê, cho mượn 1 năm các hồ sơ, tài liệu sau:

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn của cá nhân thuê, mượn; hoặc

- Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức thuê, mượn;

- Bản sao có chứng thực Chứng chỉ vô tuyến điện viên của bên thuê, bên mượn;

- Hợp đồng cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện.

Điều 33. Điều kiện để được thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện

Tổ chức, cá nhân thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Đối tượng thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện là tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; người nước ngoài sử dụng đài vô tuyến điện nghiệp dư.

2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không, vô tuyến điện nghiệp dư của bên thuê, bên mượn phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên.

3. Đối tượng thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện không thuộc danh sách bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được thông báo công khai theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Thông tư này.

Điều 34. Hợp đồng cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện

1. Hợp đồng cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan phải bao gồm các thông tin sau:

- a) Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của bên thuê, bên mượn;
- b) Số của Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện;
- c) Tần số sử dụng, thời gian liên lạc;
- d) Thời hạn cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện;
- đ) Ngày bàn giao thiết bị vô tuyến điện.

2. Trường hợp có thay đổi về nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc thay đổi thông tin quy định tại khoản 1 Điều này thì phải sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng cho phù hợp.

3. Trong vòng bảy ngày làm việc sau khi Hợp đồng cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện có sửa đổi, bổ sung hoặc bị hủy bỏ, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện phải gửi văn bản tới Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực sở tại nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng.

Điều 35. Thủ tục cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện

1. Tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện lập Hồ sơ cho thuê, cho mượn. Hồ sơ bao gồm:

- a) Văn bản thông báo về việc cho thuê, cho mượn theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của thông tư này;
- b) Hợp đồng cho thuê, cho mượn.

2. Trước khi bàn giao thiết bị vô tuyến điện cho bên thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện ít nhất năm ngày làm việc, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện phải gửi Hồ sơ cho thuê, cho mượn đến Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực sở tại.

3. Thủ tục thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện nghiệp dư để liên lạc tại những địa điểm khác với quy định trong giấy phép và việc di chuyển đài vô tuyến điện nghiệp dư đến địa phương khác để khai thác thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 21 Quyết định số 18/2008/QĐ-BTTTT ngày 04 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành “Quy định về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư”.

CHƯƠNG IV

SỬ DỤNG CHUNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 36. Trường hợp phải sử dụng chung tần số vô tuyến điện

Ngoài các trường hợp phải sử dụng chung tần số theo quy định của Liên minh viễn thông quốc tế, tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện thuộc các trường hợp sau đây phải sử dụng chung tần số vô tuyến điện với tổ chức cá nhân khác theo đúng quy định của Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện:

1. Mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động có công suất phát từ 10 W trở xuống (không áp dụng với mạng thông tin vô tuyến điện mà việc sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện có liên quan đến an toàn tính mạng con người; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ).

2. Đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.

3. Đài bờ (không có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông).

Điều 37. Quy định về khai thác trên tần số sử dụng chung

1. Tuân thủ nguyên tắc đàm thoại chỉ phục vụ công việc, đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng trong giấy phép.

2. Chỉ thiết lập cuộc gọi khi kênh tần số vô tuyến điện đang trong tình trạng rỗi, không có người sử dụng trừ khi liên quan đến cấp cứu, an toàn tính mạng con người.

3. Phải sử dụng hô hiệu được quy định trong Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.

4. Phải bảo đảm thời gian liên lạc ngắn gọn nhất, không vượt quá năm phút đối với mỗi cuộc đàm thoại.

Điều 38. Quy trình khai thác trên các tần số sử dụng chung

1. Trước khi phát, phải lắng nghe trên tần số dự định phát để đảm bảo tần số này đang rỗi.

2. Phát hô hiệu tại đầu và cuối mỗi cuộc gọi.

3. Được phép chuyển sang tần số dự phòng (quy định trong giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện) trong trường hợp tần số ấn định chính bị nhiễu hoặc đang có tổ chức, cá nhân khác sử dụng.

Điều 39. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng chung tần số

1. Sử dụng mã hóa hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để bảo đảm giữ bí mật thông tin theo mã do Cục Tần số vô tuyến điện cấp (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng mã hóa).

2. Thông báo cho Cục Tần số vô tuyến điện khi phát hiện việc khai thác trên tần số sử dụng chung không đúng quy định.

3. Không được cố ý thu và sử dụng thông tin thu được từ các đài vô tuyến điện khác sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Hiệu lực thi hành

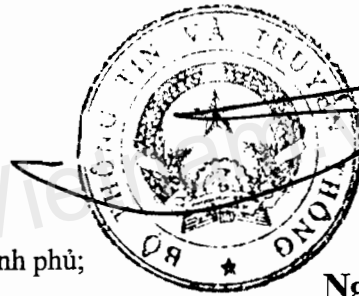
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2015 và thay thế Thông tư số 24/2010/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Tần số vô tuyến điện) để xem xét, bổ sung, sửa đổi./

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Tần số vô tuyến điện quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, công thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, CTS. 350.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Bắc Sơn

PHỤ LỤC 1

CÁC MẪU GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TÀI SẢN VÔ TUYÊN ĐIỆN

(Kèm theo Thông tư số 05/ 2015/ TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

www.LuatVietnam.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC

....., ngày..... tháng..... năm....

Số:/.....

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN/
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN KHU VỰC.....

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT- BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của ... (tên tổ chức, cá nhân)

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (hoặc cá nhân):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các qui định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị phát sóng:

Tên thiết bị:

Công suất phát:

Phương thức phát:

4. Địa điểm lắp đặt thiết bị:

5. Ăng-ten phát:

Kiểu:

Kích thước (m):

Độ cao (m):

Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):

Hệ số khuếch đại (dBi):

Vị trí lắp đặt: Kinh độ: E ' "

Vĩ độ: N ' "

6. Tần số ấn định:

Tần số phát:

Tần số thu:

7. Mã tone (pulse):

8. Hô hiệu (hoặc nhận dạng):

9. Giờ hoạt động:

10. Đối tượng liên lạc :

11. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (cá nhân) có trách nhiệm:

- Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo qui định./.

CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

www.LuatVietnam.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:/.....

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày

Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN/GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ
TUYẾN ĐIỆN KHU VỰC.....

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của (tên tổ chức, cá nhân)

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (hoặc cá nhân):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện nghiệp dư theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng :
2. Loại nghiệp vụ:
3. Thiết bị phát sóng:
 - Tên thiết bị/ Công suất phát ra ăng-ten (W):
 - Địa điểm lắp đặt thiết bị:
 - Băng tần số (hoặc tần số) ấn định:
 - Phương thức phát:
4. Hô hiệu (hoặc nhận dạng):
5. Giờ hoạt động:
6. Đối tượng liên lạc:
7. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (cá nhân) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG/ GIÁM ĐỐC

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC**

....., ngày..... tháng..... năm....

Số:/.....

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**
(Đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá)
Cấp lần đầu ngày
Có giá trị đến hết ngày.....

1. Tổ chức (hoặc cá nhân):
2. CMTND số
3. Địa chỉ:

Ngày cấp

Nơi cấp

4. Số đăng ký:
5. Danh mục thiết bị

| STT | Tên thiết bị | Công suất phát của thiết bị (W) | Dải tần của thiết bị |
|-----|--------------|---------------------------------|----------------------|
| | | | |

CỤC TRƯỞNG/ GIÁM ĐỐC

HƯỚNG DẪN KHAI THÁC

1. Tần số làm việc
2. Tần số gọi bất liên lạc và phát tin cấp cứu
3. Tần số thu dự báo thiên tai
4. Tần số liên lạc với Đồn biên phòng
5. Các tần số cấp cứu hàng hải quốc tế

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC**

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:/.....

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày

Có giá trị đến hết ngày.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN/GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN
ĐIỆN KHU VỰC.....**

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT- BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của(tên tổ chức, cá nhân)

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Cơ quan, tổ chức:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện phát thanh, truyền hình theo các qui định sau:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Loại mạng:

4. Tần số ấn định:

Kênh:

Tần số sóng mang:

5. Thiết bị phát sóng:

Tên thiết bị:

Phương thức phát:

Công suất phát:

Hệ tiêu chuẩn:

6. Ăng-ten phát:

Kiểu:

Phân cực:

Độ cao (m):

Hệ số khuếch đại (dBi):

Vị trí lắp đặt: Kinh độ:

E ' " Vĩ độ: N ' "

Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):

7. Công suất phát xạ hiệu dụng ERP:

8. Địa điểm lắp đặt thiết bị:

9. Hô hiệu (hoặc nhận dạng):

10. Giờ hoạt động:

11. Các thông số kỹ thuật đối với thiết bị truyền hình số mặt đất được sử dụng để tính toán vùng phủ và nhiễu có hại:

Khoảng bảo vệ:

Kiểu điều chế:

Số lượng sóng mang:

Tỉ lệ mã:

Chế độ thu:

Pilot pattern:

12. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo qui định./.

CỤC TRƯỞNG/ GIÁM ĐỐC

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

www.LuatVietnam.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:/.....

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày

Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN/GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN
ĐIỆN KHU VỰC.....

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của(tên tổ chức, cá nhân)

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Cơ quan, tổ chức:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện truyền thanh không dây theo các qui định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Tần số ấn định (MHz):

4. Thiết bị phát sóng:

Tên thiết bị:

Công suất phát:

Phương thức phát:

5. Ăng-ten phát:

Độ cao (m):

Vị trí lắp đặt: Kinh độ: E ' "

Vĩ độ: N ' "

6. Công suất phát xạ hiệu dụng ERP:

7. Địa điểm lắp đặt thiết bị:

8. Điều kiện sử dụng:

9. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo qui định./.

CỤC TRƯỞNG/ GIÁM ĐỐC

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

www.LuatVietnam.vn

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC**

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:/.....

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày

Có giá trị đến hết ngày.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN/GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC.....**

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của (tên tổ chức, cá nhân)

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Cơ quan, tổ chức:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho tuyến viba theo các qui định sau:

1. Mục đích sử dụng
2. Loại nghiệp vụ:
3. Đặc điểm và thông số kỹ thuật của từng thiết bị:

| 3.1. Thiết bị vô tuyến điện: | Thiết bị thứ nhất | Thiết bị thứ hai |
|--------------------------------|-------------------|------------------|
| Tên thiết bị | | |
| Công suất phát (dBm) | | |
| Phương thức phát | | |
| 3.2. Địa điểm lắp đặt thiết bị | | |
| 3.3. An ten (Kiểu ăng-ten) | | |
| Kích thước (m) | | |
| Độ cao so với mặt đất (m) | | |
| Phân cực | | |
| Hệ số khuếch đại (dBi) | | |
| Vị trí lắp đặt: Kinh độ/Vĩ độ | E ' "/ N ' " | E ' "/ N ' " |
| 3.4. Tần số ấn định (MHz) | | |
| Độ rộng băng tần ấn định (MHz) | | |
| Tốc độ truyền (Mb/s) | | |
| 3.5. Hô hiệu (hoặc nhận dạng) | | |

4. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo qui định./.

CỤC TRƯỞNG/ GIÁM ĐỐC

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

www.LuatVietnam.vn

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC**

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:/.....

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày

Có giá trị đến hết ngày.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN/GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN
ĐIỆN KHU VỰC.....**

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của (tên tổ chức, cá nhân)

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Cơ quan (tổ chức) :

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mạng viễn thông dùng riêng có sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động theo các qui định sau đây:

- 1. Mục đích sử dụng:**
- 2. Loại nghiệp vụ:**
- 3. Thiết bị phát sóng:** (Quy định tại Danh mục)
- 4. Tổng số thiết bị trong mạng:**
- 5. Phạm vi được phép phát sóng:**
Trung tâm vùng lưu động (mạng nội bộ): Kinh độ: E ' " Vĩ độ: N ' "
- 6. Tần số ấn định và phương thức phát:**
 - 6.1. Tần số ấn định (MHz):**
 - 6.2. Phương thức phát:**
 - 6.3. Mã tone (pulse):**
- 7. Giờ hoạt động:**
- 8. Các điều kiện khác:**

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo qui định./.

CỤC TRƯỞNG / GIÁM ĐỐC

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

DANH MỤC THIẾT BỊ

Thiết bị đặt cố định:

| STT | Thiết bị | Địa điểm đặt | Công suất phát (w) | Ăng-ten phát | | | | | | Tần số (MHz) | | Họ hiệu |
|-----|----------|--------------|--------------------|--------------|----------------|------------|------------------------|---------|-------|--------------|-----|---------|
| | | | | Kiểu | Kích thước (m) | Độ cao (m) | Hệ số khuếch đại (dBi) | Kinh độ | Vĩ độ | Phát | Thu | |
| | | | | | | | | | | | | |

Thiết bị di động:

| Công suất phát lớn nhất (w) | Hệ số khuếch đại ăng-ten lớn nhất (dBi) | Độ cao ăng – ten lớn nhất (m) | Tần số (MHz) | |
|-----------------------------|---|-------------------------------|--------------|-----|
| | | | Phát | Thu |
| | | | | |
| Các hồ hiệu | | | | |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

SHIP STATION LICENCE

Số/No:.....

Cấp lần đầu ngày (Date of first issue):

Có giá trị đến hết ngày (Expiry date):

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
THE DIRECTOR GENERAL OF THE AUTHORITY OF RADIO FREQUENCY MANAGEMENT

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN KHU VỰC.....
THE DIRECTOR OF THE REGIONAL FREQUENCY CENTER No....

Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Pursuant to the Law on radio frequencies No. 42/2009/QH12 dated November 23, 2009;

Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

Pursuant to the Prime Minister's Decision No. 88/2008/QĐ-TTg dated July 4, 2008, defining the functions, tasks, powers and organizational structure of the Authority of Radio Frequency Management;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT- BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

Pursuant to the Ministry of Information and Communication's Circular No. 05/2015/TT- BTTTT dated March, 23, 2015, detailing and guiding procedures for the grant of Radio frequency use licenses; lease or lending of radio equipments or shared use of radio frequencies;

Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của :

At the proposal and application of:

NAY CHO PHÉP
ALLOWES

Điều 1. Tổ chức (hoặc cá nhân):

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đài tàu biển theo các qui định sau đây:

Article 1. Licensee:

To use radio frequencies and equipments of ship station in accordance with the following provisions

| TÊN TÀU BIỂN Name of ship | NHẬN DẠNG ĐÀI TÀU BIỂN Identification of the ship station | | | CHỦ TÀU BIỂN Owner of Ship | MÃ NHẬN DẠNG CƠ QUAN THANH TOÁN VIÊN THÔNG QUỐC TẾ Accounting Authority Identification Code |
|------------------------------|--|------|--|-------------------------------|--|
| | Hồ hiệu Call Sign | MMSI | Nhận dạng khác Other Identification | | |
| | | | | | |

| LOẠI THIẾT BỊ Equipment Type | TÊN THIẾT BỊ Equipment Model | CÔNG SUẤT (W) Tx Power (W) | PHƯƠNG THỨC PHÁT Class of Emission | BĂNG TẦN HOẶC TẦN SỐ ÁN ĐỊNH Frequency Bands or Assigned Frequencies |
|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|---|
| | | | | |

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (cá nhân) có trách nhiệm chấp hành các qui định của pháp luật Việt Nam và Thẻ lệ vô tuyến điện Quốc tế về sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp hoặc công nhận.

Article 2. During the operation, Licensee is responsible for the observance of the provisions of Vietnamese law and Radio Regulations on the use of radio frequencies, equipments. The operator of ship station must have a certificate issued or recognized by the Ministry of Information and Communications.

Điều 3. Các điều kiện khác:

Article 3. Other conditions:

....., ngày... tháng ... năm ...

....., day ... month ... year...

CỤC TRƯỞNG/ GIÁM ĐỐC

DIRECTOR GENERAL / DIRECTOR

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Notice: Individuals or organizations wishing to continue using the radio frequency must submit a File Extension Request before the expiration date of Ship Station License at least 30 days.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC**

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:/.....

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày

Có giá trị đến hết ngày.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN/GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN
ĐIỆN KHU VỰC.....**

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của(tên tổ chức, cá nhân)

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (cá nhân):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các qui định sau đây:

1. Thiết bị:

2. Công suất phát:

3. Ăng-ten phát:

Kiểu:

Kích thước:

Độ cao:

4. Địa điểm lắp đặt:

5. Tần số ấn định:

5.1. Tần số gọi:

5.2. Tần số liên lạc:

5.3. Mã tone (pulse):

6. Hồ hiệu hoặc nhận dạng:

7. Đối tượng liên lạc:

8. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo qui định./.

CỤC TRƯỞNG/ GIÁM ĐỐC

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG TẦN SỐ

1. Tần số gọi.
2. Tần số liên lạc

3. Tần số thu tin cấp cứu, an toàn cứu nạn

4. Lưu ý

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

www.LuatVietnam.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CỤC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRUNG TÂM TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:/.....

GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TÀN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN/GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TÀN SỐ VÔ TUYẾN
ĐIỆN KHU VỰC.....

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của(tên tổ chức, cá nhân)

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (cá nhân):

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các qui định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:
2. Loại nghiệp vụ:
3. Tổng số thiết bị trong mạng:
4. Thiết bị phát sóng: (Quy định tại Danh mục)
5. Tần số ấn định: (Quy định tại Danh mục)
6. Mã tone (pulse):
7. Phương thức phát:
8. Số thiết bị sử dụng:
9. Giờ hoạt động:
10. Đối tượng liên lạc:
11. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo qui định./.

CỤC TRƯỞNG/ GIÁM ĐỐC

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

DANH MỤC THIẾT BỊ

Thiết bị đặt cố định:

| STT | Thiết bị | Địa điểm đặt | Công suất phát (w) | Ăng-ten phát | | | | | | Tần số (MHz) | | Hô hiệu |
|-----|----------|--------------|--------------------|--------------|----------------|------------|------------------------|---------|-------|--------------|-----|---------|
| | | | | Kiểu | Kích thước (m) | Độ cao (m) | Hệ số khuếch đại (dBi) | Kinh độ | Vĩ độ | Phát | Thu | |
| | | | | | | | | | | | | |

Thiết bị di động:

| Công suất phát lớn nhất (w) | Hệ số khuếch đại ăng-ten lớn nhất (dBi) | Độ cao ăng – ten lớn nhất (m) | Tần số (MHz) | |
|-----------------------------|---|-------------------------------|--------------|-----|
| | | | Phát | Thu |
| | | | | |
| Các hô hiệu | | | | |

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TÀN SÓ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CỤC TÀN SÓ VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRUNG TÂM TÀN SÓ VÔ TUYẾN ĐIỆN
KHU VỰC**

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:/.....

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TÀN SÓ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày

Có giá trị đến hết ngày.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC TÀN SÓ VÔ TUYẾN ĐIỆN/GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TÀN SÓ VÔ TUYẾN
ĐIỆN KHU VỰC.....**

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT- BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của(tên tổ chức, cá nhân)

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Cơ quan, tổ chức:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện thông tin vệ tinh theo các qui định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị phát sóng:

Loại thiết bị:

Công suất phát:

Phương thức phát:

Địa điểm lắp đặt thiết bị:

4. Ăng-ten phát:

Kiểu:

Kích thước (m):

Độ cao (m):

Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):

Góc ngẩng (°):

Phân cực:

Hệ số khuếch đại (dBi):

Vị trí lắp đặt: Kinh độ: E ' "

Vĩ độ: N ' "

5. Tần số ấn định:

Tần số (băng tần) phát:

Tần số (băng tần) thu:

Độ rộng băng tần ấn định (MHz):

6. Hồ hiệu (hoặc nhận dạng):

7. Vệ tinh liên lạc:

Vị trí quỹ đạo:

8. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo qui định./.

CỤC TRƯỞNG / GIÁM ĐỐC

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

www.LuatVietnam.vn

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

Cấp lần đầu ngày

Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT- BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của (tên tổ chức, cá nhân)

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (hoặc doanh nghiệp):

Được sử dụng đoạn băng tần (hoặc kênh tần số) theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:
2. Loại nghiệp vụ:
3. Băng tần hoạt động:
4. Phạm vi phủ sóng:
5. Các mức giới hạn phát xạ:

Điều 2. Tổ chức, doanh nghiệp phải đăng ký danh mục các thiết bị phát sóng vô tuyến điện (theo mẫu qui định) và báo cáo đột xuất, báo cáo định kỳ trong thời gian từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 15 tháng 10 hàng năm các nội dung thay đổi về tham số kỹ thuật, thiết bị phát sóng vô tuyến điện sử dụng trong mạng thông tin vô tuyến điện cho Cục Tần số vô tuyến điện.

Điều 3. Quy định điều kiện khai thác và các điều kiện khác./.

CỤC TRƯỞNG

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 60 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH**
Cấp lần đầu ngày
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (Doanh nghiệp):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh theo các qui định sau đây:

1. Tên vệ tinh (tên thương mại):
2. Vị trí quỹ đạo:
3. Vùng phủ sóng/vùng dịch vụ:
4. Băng tần vệ tinh:
5. Số bộ phát đáp:
6. Hồ sơ mạng vệ tinh đăng ký với ITU:
7. Ngày phóng vệ tinh:
8. Tên tổ chức (doanh nghiệp) sở hữu quả vệ tinh:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (doanh nghiệp) có trách nhiệm:

- Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Chấp hành các qui định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh.
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 90 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH
Cấp lần đầu ngày
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;
- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT- BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;
- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (Doanh nghiệp):

Được sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh theo các qui định sau đây:

1. Tên vệ tinh (tên thương mại):
2. Số mặt phẳng quỹ đạo:

| Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo: | Góc nghiêng: | Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này | Chu kỳ | Điểm Cực viễn (Km) | Điểm Cực cận (Km) |
|------------------------------|--------------|--|--------|--------------------|-------------------|
| | | | | | |

3. Vùng phủ sóng/vùng dịch vụ:
4. Băng tần vệ tinh:
5. Số bộ phát đáp:
6. Hồ sơ mạng vệ tinh đăng ký với ITU:
7. Ngày phóng vệ tinh:
8. Tên tổ chức (doanh nghiệp) sở hữu quả vệ tinh:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (doanh nghiệp) có trách nhiệm:

- Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Chấp hành các qui định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh.
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 90 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

PHỤ LỤC 2

CÁC MẪU BẢN KHAI VÀ HƯỚNG DẪN KÊ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

*(Kèm theo Thông tư số 05/ 2015/ TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

www.LuatVietnam.vn

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- CHO THIẾT BỊ VTĐ:** 1. Thuộc nghiệp vụ cố định (trừ các đài vi ba).
2. Thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không như: đài bờ (không liên lạc qua vệ tinh), trạm mặt đất hàng không, đảo đèn,...(trừ các đài tàu biển, tàu bay).
- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|--|---|--|--|
| 1. TÊN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân) | Số | | Ngày cấp |
| | Cấp tại | | |
| 1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu là tổ chức) | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.3. Tài khoản | Số | | Ngân hàng |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý |
| 1.4. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.5. Địa chỉ trụ sở chính / thường trú | | | |
| 1.6. Số FAX/ số điện thoại | | 1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email) | |
| 1.8. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| | Thời hạn sử dụng | từ ngày | đến ngày |
| 2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ | <input type="checkbox"/> Cấp mới cho thiết bị (..... tờ của Phụ lục 1) | | |
| | <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số (..... tờ của Phụ lục 2) | | |
| | <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép (.....tờ của Phụ lục 1) | | |
| | <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số..... (.....tờ của Phụ lục 3) | | |
| 3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | |
| 4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. | | | |
| 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)

Làm tại, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

**PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

Cấp mới Sửa đổi, bổ sung

Tờ số:/tổng số tờ của Phụ lục 1:

1. Tham số kỹ thuật của thiết bị thu sóng vô tuyến điện:

| Thiết bị thu | | | |
|---------------------------------|--|--|--|
| Tham số kỹ thuật | | | |
| 1.1. Số giấy chứng nhận hợp quy | | | |
| 1.2. Băng tần số | | | |
| 1.3. Độ nhạy (dBm) | | | |

2. Tham số kỹ thuật và khai thác của thiết bị phát sóng vô tuyến điện:

| Thiết bị phát | | | |
|--|--|--|--|
| Tham số kỹ thuật | | | |
| 2.1. Số giấy chứng nhận hợp quy | | | |
| 2.2. Các mức công suất phát | | | |
| 2.3. Kiểu điều chế | | | |
| 2.4. Phương thức phát | | | |
| 2.5. Dài tần thiết bị | Phát | | |
| | Thu | | |
| 2.6. Dài thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s) | | | |
| 2.7. Tổn hao Fider (dB/m) | | | |
| 2.8. Địa điểm đặt thiết bị phát sóng VTĐ | | | |
| 2.9. Ăng-ten | a. Kiểu | | |
| | b. Kích thước (m) | | |
| | c. Dài tần làm việc | | |
| | d. Độ cao so với mặt đất (m) | | |
| | đ. Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°) | | |
| | e. Hệ số khuếch đại (dBi) | | |
| | g. Kinh độ (° ' " E) | | |
| | h. Vĩ độ (° ' " N) | | |
| | i. Hướng tính | D <input type="checkbox"/> / ND <input type="checkbox"/> | D <input type="checkbox"/> / ND <input type="checkbox"/> |
| k. Phân cực | | | |
| 2.10. Hồ hiệu đề nghị | | | |
| 2.11. Giờ hoạt động | | | |
| 2.12. Đối tượng liên lạc | | | |
| 2.13. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:..... | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:..... | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:..... |
| 2.14. Mục đích sử dụng | | | |
| 2.15. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ | | | |
| 3. Sử dụng mã hoá (khi dùng chung tần số) | <input type="checkbox"/> Có . Loại mã: <input type="checkbox"/> Không. | | |
| 4. Tổng số thiết bị trong mạng | | | |
| 5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTD (MẪU 1a)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1a: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các thiết bị vô tuyến điện riêng lẻ thuộc nghiệp vụ cố định (trừ các đài vệ ba); thuộc nghiệp vụ lưu động hàng hải, lưu động hàng không như: đài bờ (không liên lạc với vệ tinh), trạm mặt đất hàng không, đảo đèn,...(trừ các đài tàu biển, tàu bay) và các trường hợp ngoài phạm vi áp dụng các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g, 1h, 1i, 1k, 1m.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên hợp pháp của tổ chức, hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số, ngày cấp, nơi cấp của chứng minh nhân dân (hộ chiếu) đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc số Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

- Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, của hộ kinh doanh, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.
- Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.7. Chỉ áp dụng đối với tổ chức hoặc hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 1.8. Chỉ áp dụng cho trường hợp quy định của pháp luật về viễn thông yêu cầu cần phải có giấy phép thiết lập mạng viễn thông tương ứng.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kì nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trên cùng một bộ hồ sơ.
- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 3: Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 4: Ghi các thông tin cần bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện.
- Khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới. Mỗi tờ khai của Phụ lục được dùng để kê khai cho 3 loại thiết bị (kê khai tên thiết bị) tương ứng với 3 cột. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai một lần vào một cột và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Phụ lục.
- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Mỗi giấy phép cần sửa đổi, bổ sung khai vào một cột; ghi rõ số giấy phép, tên thiết bị vào hàng đầu tiên của cột (riêng đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải áp dụng hướng dẫn tại Mục 2.15 dưới đây). Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.
- Ghi tên thiết bị đề nghị cấp mới vào hàng thứ nhất của các cột.

1. Tham số kỹ thuật của thiết bị thu sóng VTĐ:

Ghi tên thiết bị thu, ký hiệu (model) của thiết bị tại hàng đầu tiên của các cột.

1.1. Số giấy chứng nhận hợp quy: ghi số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.

- 1.2. Băng tần số: Là băng tần số mà thiết bị làm việc.
- 1.3. Độ nhạy: Là độ nhạy của thiết bị được tính theo đơn vị dBm.
2. **Tham số kỹ thuật và khai thác của thiết bị phát sóng VTD:**
Ghi tên thiết bị phát, ký hiệu (model) của thiết bị tại hàng đầu tiên của các cột.
 - 2.1. Số giấy chứng nhận hợp quy: ghi số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.
 - 2.2. Các mức công suất phát: Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...
 - 2.3. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị như: AM, FM, PSK, FSK,...
 - 2.4. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...
 - 2.5. Dải tần thiết bị: Là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
 - 2.6. Dải thông hoặc Tốc độ truyền: Khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (theo đơn vị kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó (theo đơn vị Kb/s).
 - 2.7. Tổn hao Fider (dB): Bằng tổn hao trên 1 mét Fider (dB/m) nhân với chiều dài Fider (m).
 - 2.8. Địa điểm đặt thiết bị phát sóng VTD:
 - Đối với thiết bị đặt cố định, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).
 - Đối với thiết bị lưu động, khai đầy đủ lưu động bằng phương tiện cụ thể (ví dụ: ô tô, tàu hỏa,...), lưu động trong phạm vi nào.
 - 2.9. Ăng-ten phát:
 - a. Kiểu ăng-ten: Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ an ten thuộc loại nào (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipol, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)
 - b. Kích thước: Là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).
 - c. Dải tần làm việc: Khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.
 - d. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).
 - đ. Góc phương vị của hướng bức xạ chính: là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.
 - e. Hệ số khuếch đại: Tính theo đơn vị dBi.
 - g, h. Kinh độ, vĩ độ: ghi theo độ, phút, giây của thiết bị đặt cố định.
 - i. Hướng tính: Đánh dấu "X" vào các chỗ trống, D tương ứng với có hướng, ND tương ứng với vô hướng.
 - k. Phân cực: Khai phân cực của an ten như thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...
 - 2.10. Hồ hiệu đề nghị: là hồ hiệu do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hồ hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng (lưu ý: khi hoạt động sẽ phải sử dụng các hồ hiệu đã được cấp phép).
 - 2.11. Giờ hoạt động: Khai giờ hoạt động của thiết bị trong ngày. Ví dụ: từ 5 giờ đến 14 giờ. Nếu khai thác liên tục 24/24, ghi là H24. Nếu hoạt động vào các giờ bất kỳ trong ngày, ghi là Hx.
 - 2.12. Đối tượng liên lạc: ghi rõ hồ hiệu của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với nhau.
 - 2.13. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

- 2.14. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...
- 2.15. Chỉ áp dụng đối với đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải khi sửa đổi, bổ sung.
 - Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng và khai đầy đủ các thông số.
 - Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: loại thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới và khai đầy đủ các thông số nếu là thiết bị thuộc loại mới.
 - Ghi huỷ bỏ đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị loại nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.
3. Chỉ áp dụng đối với đài bờ trong trường hợp dùng chung tần số theo quy định. Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.
4. Chỉ áp dụng đối với đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải. Ghi tổng số thiết bị trong mạng.
5. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải kí, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư)

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|--|---|--|--------------------------|
| 1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép) | Số | | Ngày cấp |
| | Cấp tại | | |
| 1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép) | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.3. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý | |
| 1.4. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.5. Địa chỉ trụ sở chính / thường trú | | | |
| 1.6. Số FAX/ số điện thoại | 1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email) | | |
| 2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ | <input type="checkbox"/> Cấp mới cho thiết bị | | (..... tờ của Phụ lục 1) |
| | <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số | | (..... tờ của Phụ lục 2) |
| | <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép | | (.....tờ của Phụ lục 1)) |
| | <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số | | (..... tờ của Phụ lục 3) |
| 3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | |
| 4. THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. | | | |
| 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Phụ lục 1:

| | | | |
|--|--|--------------------------------------|--------------------|
| 1. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN | | | |
| 1.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất | | | |
| 1.2. Thông số kỹ thuật (thiết kế/đề nghị sử dụng) | Băng tần hoặc tần số (kHz/MHz) | Phương thức phát/ Dài thông (kHz) | Công suất phát (W) |
| Thiết kế | | | |
| Đề nghị | | | |
| 1.3. Địa điểm đặt thiết bị | | | |
| 2. KHAI THÁC NGHIỆP VỤ VTD NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH | <input type="checkbox"/> Có . Tên vệ tinh: <input type="checkbox"/> Không | | |
| 3. HỒ HIỆU ĐỀ NGHỊ | | | |
| 4. ĐÀI LIÊN LẠC | | | |
| 5. GIỜ HOẠT ĐỘNG | | | |
| 6. CHỨNG CHỈ KHAI THÁC VIÊN VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ | | | |
| 6.1. Loại | | | |
| 6.2. Ngày cấp và thời hạn hiệu lực của chứng chỉ | | | |
| 7. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:..... | | |
| 8. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTĐ

(Đối với đài VTĐ nghiệp dư - Mẫu 1b)

I/ PHÂN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHÂN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1b: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các đài VTĐ thuộc nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết họ tên cá nhân hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp giấy phép bằng chữ in hoa.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số, ngày cấp, nơi cấp của chứng minh nhân dân (hộ chiếu) đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc số Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

- Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.
- Điểm 1.7. Chi áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai
- Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:
- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới (tương ứng với số lượng thiết bị) vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
 - Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kì nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 4. Thông tin bổ sung: Ghi thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.
 - Mỗi tờ khai của Phụ lục được dùng để kê khai cho 1 đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ và tổng số tờ của Phụ lục.
 - Khai báo tất cả các thông số trong Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.
 - Chỉ khai báo thông số sửa đổi, bổ sung trong Phụ lục 1 khi đề nghị bổ sửa đổi, bổ sung. Các thông số giữ nguyên không cần khai báo.
1. Không ghi.
 - 1.1. Ghi tên thiết bị và hãng sản xuất.
 - 1.2. Ghi thông số kỹ thuật vào các cột tương ứng.
 - Băng tần/tần số: Kê khai băng tần số hoặc tần số mà thiết bị được chế tạo làm việc; băng tần hoặc tần số mà tổ chức, cá nhân đề nghị.
 - Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....
 - Dải thông: Khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (theo đơn vị kHz)
 - Công suất phát: Khai các mức công suất được thiết kế, chế tạo của thiết bị.
 - 1.3. Ghi địa điểm lắp đặt thiết bị: khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).
 2. Khai thác nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư qua vệ tinh

- Đánh dấu “X” vào ô “Có” nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư qua vệ tinh và ghi tên của vệ tinh.
- Đánh dấu “X” vào ô “Không” nếu không khai thác nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư qua vệ tinh.
- 3. Ghi hồ hiệu theo dãy hồ hiệu VTĐ nghiệp dư được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng.
- 4. Ghi hồ hiệu hoặc tên của các đài vô tuyến điện nghiệp dư có thiết lập liên lạc vô tuyến điện với đài đề nghị cấp giấy phép.
- 5. Ghi giờ liên lạc đề nghị, nếu liên lạc vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”, nếu liên lạc tất cả thời gian trong ngày thì ghi “H24”.
- 6. Chứng chỉ khai thác viên VTĐ nghiệp dư do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp hoặc Cơ quan chủ quản VTĐ nghiệp dư nước ngoài cấp được Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận.
- 6.1. Ghi rõ trình độ của Chứng chỉ khai thác viên VTĐ nghiệp dư (cấp 1/cấp 2/cấp 3/cấp 4).
- 6.2. Ghi rõ ngày cấp và thời hạn có hiệu lực của chứng chỉ.
- 7. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- 8. Ghi các thông tin bổ sung nếu có bổ sung.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá)

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|--|---|--|--------------------------|
| 1. TÊN TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP: | | | |
| 1.1. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép) | Số | | Ngày cấp |
| | Cấp tại | | |
| 1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu là tổ chức) | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.3. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý | |
| 1.4. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.5. Địa chỉ trụ sở chính / thường trú | | | |
| 1.6. Số FAX/ Số điện thoại | | 1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email) | |
| 2. TÊN CHỦ PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ | | | |
| 3. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ | <input type="checkbox"/> Cấp mới cho thiết bị | | (..... tờ của Phụ lục 1) |
| | <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số | | (..... tờ của Phụ lục 2) |
| | <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép | | (.....tờ của Phụ lục 1) |
| | <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số | | (..... tờ của Phụ lục 3) |
| 4. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | |
| 5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 6. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 6.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 6.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 6.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 6.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan (đối với tổ chức)
hoặc xác nhận của UBND phường, xã nơi ở hiện tại
(dùng cho trường hợp cá nhân không có chứng minh nhân dân/ hộ chiếu) (ký tên và đóng dấu)

Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

**PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

Cấp mới cho phương tiện nghề cá Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số
 Tờ số:/ tổng số tờ của Phụ lục 1:

| LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF) | TÊN THIẾT BỊ | BỘ SUNG/ THAY THẺ/ HUỖ BỎ | DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ... đến ... (MHz) | PHƯƠNG THỨC PHÁT | CÔNG SUẤT PHÁT (W) |
|---|--|------------------------------|--|---------------------|-----------------------|
| www.LuatVietnam.vn | | | | | |
| THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:..... | | | | |
| THÔNG TIN BỔ SUNG | | | | | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTD (Mẫu 1c)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1c: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép cho các đài VTD đặt trên phương tiện nghề cá hoạt động trên các băng tần quy hoạch cho phương tiện nghề cá.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức hoặc họ tên của cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá của cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc số Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, hộ kinh doanh, địa chỉ

thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.7. Chỉ áp dụng đối với tổ chức hoặc hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Viết hoa họ tên của chủ phương tiện nghề cá hoặc tên hợp pháp của tổ chức là chủ phương tiện nghề cá.

Điểm 3. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng phương tiện nghề cá đề nghị cấp mới và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kì nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Điểm 4. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 5. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp cấp mới, đề nghị ghi số đăng ký của phương tiện đã được cơ quan có thẩm quyền cấp. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- Mỗi phương tiện nghề cá kê khai trong một tờ khai của Phụ lục. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều phương tiện nghề cá. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của từng tờ kèm theo tổng số tờ của Phụ lục.
- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.
- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.
- Loại thiết bị, tên thiết bị: Kê khai loại thiết bị và tên của thiết bị trong trường hợp cấp mới hoặc bổ sung thiết bị.
- Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ: chỉ dùng cho trường hợp sửa đổi, bổ sung
 - o Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào và khai đầy đủ các thông số, số lượng thiết bị.
 - o Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: thiết bị nào trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới và khai đầy đủ các thông số nếu thiết bị thay thế là thiết bị thuộc loại mới.

- o Ghi huỷ bỏ đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị nào theo quy định của giấy phép đã được cấp.
- Dải tần hoạt động: Kê khai tất cả các dải tần hoạt động của thiết bị, ví dụ từ 150 đến 160 MHz; 165 đến 170 MHz...
- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: F3E; F1B; J3E;....
- Công suất phát: Kê khai công suất phát theo đơn vị Watt (W)
- Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Thông tin bổ sung: kê khai nếu có thêm các thông tin ngoài các thông tin ở trên.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày , ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan. Đối với các cá nhân không có chứng minh nhân dân, Hộ chiếu (hoặc mắt) phải có xác nhận của UBND phường, xã nơi ở hiện tại.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với thiết bị phát thanh truyền hình)

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Cơ quan, tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

| | | | |
|--|--|---|--|
| 1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình hoặc Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| | Thời hạn sử dụng | từ ngày | đến ngày |
| 1.2. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| | Thời hạn sử dụng | từ ngày | đến ngày |
| 1.3. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý |
| 1.4. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.5. Địa chỉ trụ sở chính | | | |
| 1.6. Số FAX/ số điện thoại | | 1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/E-mail) | |
| 2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ | <input type="checkbox"/> Cấp mới cho thiết bị (..... tờ Phụ lục 1) | | |
| | <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số (..... tờ Phụ lục 2) | | |
| | <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép (..... tờ Phụ lục 1) | | |
| | <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số (..... tờ Phụ lục 3) | | |
| 3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | |
| 4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 5.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 5.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định | | | |

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

| | | | |
|---|--|--|--------------------------------------|
| Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m) | | Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m) | |
| Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°) | | Vị trí đặt ăng-ten | Kinh độ : ° ' " E Vĩ độ : ° ' " N |
| 11. VÙNG PHỦ SÓNG | | | |
| 12. GIỜ HOẠT ĐỘNG | | | |
| 13. GIẢN ĐỒ PHÁT XẠ ĂNG-TEN CÓ HƯỚNG | | | |
| 14. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT | | | |
| 14.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval) | | | |
| 14.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier) | | | |
| 14.3. Chế độ thu (Reception mode) | | | |
| 14.4. Kiểu điều chế | | | |
| 14.5. Tỷ lệ mã | | | |
| 14.6. Pilot pattern | | | |
| Phần khai bổ sung dành riêng cho các thiết bị phát thanh - truyền hình cần đăng kí quốc tế | | | |
| 15. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH BĂNG TẦN VHF/ UHF | | | |
| 15.1. Độ rộng băng tần cần thiết (Necessary bandwidth) | | | |
| 16. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF | | | |
| 16.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m) | | | |
| 16.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio – dB) | | | |
| 16.3. Tăng ích anten theo các hướng: 0, 10, 20, ..., 350 ^o (cung cấp đối với anten có hướng) | | | |
| 17. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ TRUYỀN HÌNH BĂNG TẦN VHF/ UHF | | | |
| 17.1. Tỷ số công suất hình/tiếng (Vision/Sound power ratio - dB) | | | |
| 18. THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTD (Mẫu 1d)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1d: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

- Đối với tổ chức là cơ quan báo chí: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương);

- Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất.

Điểm 1.2. Áp dụng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng.

- Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.
- Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.
- Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:
- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
 - Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.
- Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” hoặc ô “sửa đổi, bổ sung” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.
 - Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 nếu đề nghị cấp mới. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Phụ lục.
 - Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Phụ lục.
1. Loại đài:
- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh.

Mẫu 1d

- Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình.
- 2. Loại mạng truyền hình:
 - Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.
- 3. Địa chỉ đặt thiết bị phát sóng VTD: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố/ thôn xóm, quận (huyện), tỉnh)
- 4. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).
- 5. Mục đích sử dụng: ghi rõ mục đích sử dụng đề nghị.
 - Đối với truyền hình tương tự: Ghi rõ phát sóng, phát lại chương trình nào, (ví dụ: phát lại chương trình VTV1 của đài truyền hình Việt Nam; phát lại chương trình TN1 của đài phát thanh - truyền hình Thái Nguyên).
 - Đối với truyền hình số: Ghi rõ gói kênh chương trình có chương trình thiết yếu của trung ương/địa phương hay không có, nêu tên chương trình thiết yếu (ví dụ: Gói kênh có chương trình thiết yếu VTV1, VTV3..)
 - Đối với phát thanh: Ghi rõ phát sóng, phát lại chương trình nào (ví dụ: phát lại chương trình VOV1 của đài tiếng nói Việt Nam).
- 6. Danh mục kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép: Kê khai từng kênh chương trình đề nghị phát sóng. Đối với mỗi kênh chương trình: ghi cụ thể tên kênh chương trình, tốc độ bit (tính theo Mbit/s), độ phân giải hình ảnh (ví dụ: SD hoặc HD).
- 7. Hồ hiệu: Khai hồ hiệu hoặc nhận dạng đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình.
- 8. Đặc điểm thiết bị:
 - 8.1. Tên thiết bị: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
 - 8.2. Số giấy chứng nhận hợp quy: Kê khai số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.
 - 8.3. Công suất phát (W): Kê khai công suất phát của thiết bị
 - 8.4. Hệ- tiêu chuẩn: Kê khai hệ tiêu chuẩn và hệ phát màu của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: Hệ Pal D/K, Pal B/G, DVB-T...
 - 8.5. Băng tần thiết bị phát: Là dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
 - 8.6. Kênh phát đề nghị: Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng và tần số sóng mang tương ứng
 - 8.7. Giới hạn kênh (MHz): kê khai từ tần số giới hạn dưới đến tần số giới hạn trên của kênh ví dụ: 478-486MHz;
 - 8.8. Tần số sóng mang: Kê khai tần số sóng mang tương ứng với kênh phát đề nghị
 - Đối với truyền hình tương tự: Kê khai cả tần số sóng mang hình và tần số sóng mang tiếng. Ví dụ: 175,25 MHz/181,75 MHz.
 - Đối với phát thanh: kê khai tần số sóng mang tiếng.
 - Đối với truyền hình số: kê khai tần số trung tâm.
 - 8.9. Phương thức phát:
 - Đối với truyền hình tương tự: Kê khai cả hình và tiếng. Ví dụ: 7M25C3F/750KF3E.
 - Đối với phát thanh: chỉ kê khai tiếng. Ví dụ: 180KF3EGN.
 - Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00D2F
 - 8.10. Overlapping (MHz): Kê khai rõ chồng lấn bao nhiêu MHz so với tần số kênh chuẩn, ví dụ Pal D/K, chồng lấn +1,25MHz, -3MHz.

- 8.11. Offset ($f_{\text{dòng}}$): Kê khai rõ dịch tần số (offset) hình, tiếng tỷ lệ bao nhiêu so với tần số dòng (ví dụ $1/12 f_{\text{dòng}}$, $6/12 f_{\text{dòng}}$...).
9. Tồn hao fider : Khai tổng tồn hao của fider (dB) và tồn hao của các connector.
10. Ăng-ten:
- Kiểu: Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog (VD: Dipol, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ an ten thuộc loại nào (ví dụ: Dipol, dàn chân từ đồng pha, lồng, chữ V, tháp, v.v...)
 - Hướng tính: Khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô cho trước.
 - Hệ số khuếch đại ăng-ten (dBi): Ghi rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.
 - Phân cực: Loại phân cực của ăng-ten (ví dụ : thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)
 - Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).
 - Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m): là độ cao của địa hình nơi đặt ăng-ten (so với mực nước biển).
 - Góc phương vị của hướng bức xạ chính : là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.
 - Vị trí đặt ăng-ten: Ghi độ chính xác của kinh độ, vĩ độ đến giây (")
11. Vùng phủ sóng : tên các địa phương nằm trong vùng phủ sóng của đài phát thanh hoặc truyền hình đề nghị cấp phép
12. Giờ hoạt động : kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx"
13. Giảm đồ phát xạ ăng-ten có hướng : đề nghị tổ chức cung cấp giảm đồ phát xạ của ăng-ten.
14. Chi áp dụng đối với thiết bị phát thanh và truyền hình số mặt đất:
- 14.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): Đối với mạng đơn tần, khai khoảng bảo vệ là: 4(khoảng bảo vệ là 1/4), 8(1/8), 16(1/16), 32(1/32)
- 14.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): Đối với mạng đơn tần, khai số lượng sóng mang là 2k hay 8k
- 14.3. Chế độ thu (Reception mode) : Khai chế độ thu là: F đối với thu cố định, M đối với thu lưu động; A đối với thu trong nhà và B đối với thu ngoài trời.
- 14.4. Kiểu điều chế: Ghi kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM).
- 14.5. Tỷ lệ mã: Ghi tỷ lệ mã của thiết bị.
- 14.6. Pilot pattern: Ghi mẫu hình tín hiệu Pilot.
- 15, 16, 17: Chi áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế.
- 15.1. Độ rộng băng tần cần thiết: kê khai độ rộng băng tần tối thiểu để đảm bảo chất lượng thông tin.
- 16.1. Độ dẫn điện đất: kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.
- 16.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận: Ghi rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.
- 16.3. Tăng ích anten theo các hướng 0, 10, 20, ...350°: áp dụng đối với anten có hướng.
- 17.1. Tỷ số công suất hình/tiếng (Vision/Sound power ratio - dB): là tỷ số giữa công suất bức xạ hiệu dụng của sóng mang hình với công suất bức xạ hiệu dụng của sóng mang tiếng.
18. Khai các thông tin bổ sung (Nếu có)

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mẫu 1d

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người phải kí, ghi rõ họ tên và có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

www.LuatVietnam.vn

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài truyền thanh không dây)

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|--|---|--|--|
| 1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý | |
| 1.2. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.3. Địa chỉ trụ sở chính | | | |
| 1.4. Số FAX/ Số điện thoại | | 1.5. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/E-mail) | |
| 2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ | <input type="checkbox"/> Cấp mới cho đài (..... tờ của Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số (..... tờ của Phụ lục 2) <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép (.....tờ của Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số | | |
| 3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | |
| 4. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG | | | |
| 5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 6. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 6.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 6.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 6.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 6.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)

Làm tại, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Phụ lục :

| | | |
|--|-----------------------------|--|
| 1. Tên thiết bị | | |
| 2. Số giấy chứng nhận hợp quy | | |
| 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép | | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:..... |
| 4. Địa điểm đặt thiết bị VTĐ | | |
| 5. Công suất phát (W) | | |
| 6. Công suất phát xạ hiệu dụng | | |
| 7. Tần số phát | | |
| 8. Ăng-ten phát | Độ cao (so với mặt đất) (m) | |
| | Kinh độ (° ' " E) | |
| | Vĩ độ (° ' " N) | |
| 9. Các thông tin bổ sung | | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTD (Mẫu 1d)

I/ PHÂN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHÂN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1d: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép, sử dụng tần số và thiết bị VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài truyền thanh không dây.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.2. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.3. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.4. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.5. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng của giấy phép, số giấy phép vào chỗ trống.
- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép, số

tờ khai của Phụ lục dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép, số giấy phép đề nghị ngừng sử dụng vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng.

Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 4. Mục đích sử dụng: Ghi rõ mục đích sử dụng ví dụ như: phục vụ tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, ...

Điểm 5. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi đài truyền thanh không dây kê khai vào 1 tờ của Phụ lục. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Tên thiết bị: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

2. Số giấy chứng nhận hợp quy: Kê khai số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.

3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

4. Địa chỉ đặt thiết bị phát sóng VTĐ: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố/ thôn xóm, quận (huyện), tỉnh).

5. Kê khai công suất phát lớn nhất của đài.

6. Kê khai công suất phát xạ hiệu dụng của đài.

7. Tần số phát: Kê khai tần số phát đề nghị.

8. Ăng-ten phát:

- Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

- Kinh độ, vĩ độ: ghi chính xác đến đơn vị giây.

9. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có)

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Đối với tuyến truyền dẫn vi ba)

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Cơ quan, tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

| | | | |
|---|------------------|---|--|
| 1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| | Thời hạn sử dụng | từ ngày | đến ngày |
| 1.3. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý |
| 1.4. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.5. Địa chỉ trụ sở chính | | | |
| 1.6. Số FAX/ số điện thoại | | 1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email) | |
| 2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG | | | |
| <input type="checkbox"/> Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng <input type="checkbox"/> Thiết lập mạng viễn thông công cộng <input type="checkbox"/> Thiết lập mạng truyền dẫn PTTH <input type="checkbox"/> Khác | | | |
| 3. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ | | | |
| | | <input type="checkbox"/> Cấp mới cho tuyến vi ba | (..... tờ của Phụ lục 1) |
| | | <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số | (..... tờ của Phụ lục 2) |
| | | <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép | (.....tờ của Phụ lục 1) |
| | | <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số | (..... tờ của Phụ lục 3) |
| 4. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | | | |
| <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | | |
| 5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 6. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 6.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 6.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 6.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 6.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Phụ lục 1:

| | TRẠM “THỨ NHẤT” | TRẠM “THỨ HAI” |
|---|--|----------------|
| I. THÔNG SỐ CỦA TRẠM | | |
| 1. Hồ hiệu (tên/mã trạm) | | |
| 2. Kinh độ | | |
| 3. Vĩ độ | | |
| 4. Cự ly tuyến (km) | | |
| 5. Địa điểm đặt | | |
| II. CHI TIẾT THÔNG SỐ KỸ THUẬT | | |
| 1. Tên thiết bị | | |
| 2. Hãng sản xuất | | |
| 3. Dải tần số thu (MHz) | | |
| 4. Dải tần số phát (MHz) | | |
| 5. Kiểu điều chế | | |
| 6. Bước nhảy tần (kHz) | | |
| 7. Công suất phát (dBm) | | |
| 8. Hệ số tạp âm (dB) | | |
| 9. Tần số phát (MHz) | | |
| 10. Băng thông (MHz) | | |
| 11. Tốc độ truyền dẫn tối thiểu (Mbit/s) | | |
| 12. Độ nhạy máy thu (dBm) | | |
| 13. Suy hao Tx (dB) | | |
| 14. Fade margin (dB) | | |
| III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĂNG-TEN | | |
| 1. Tên ăng-ten | | |
| 2. Hãng sản xuất | | |
| 3. Hướng tính | | |
| 4. Kích thước | | |
| 5. Độ cao so với mặt đất (m) | | |
| 6. Phân cực (tuyến tính, tròn, v.v.) | | |
| 7. Hệ số khuếch đại (dBi) | | |
| 8. Giảm đồ bức xạ | | |
| IV. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm | |
| | Khác:..... | |
| V. THÔNG TIN BỔ SUNG | | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTD

(Đối với thiết bị vi ba - Mẫu 1e)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1e: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các tuyến truyền dẫn vi ba.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Ghi tên hợp pháp của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép (bằng chữ hoa).

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Đối với mạng viễn thông công cộng, mạng viễn thông dùng riêng phải có giấy phép thiết lập mạng viễn thông. Ghi số, ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông tương ứng.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

- Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.
- Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.
- Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Mục đích sử dụng

- Đánh dấu "X" vào ô "Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng" nếu tổ chức đề nghị được thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.
- Đánh dấu "X" vào ô "thiết lập mạng viễn thông công cộng" nếu tổ chức đề nghị thiết lập mạng viễn thông công cộng.
- Đánh dấu "X" vào ô "thiết lập mạng truyền dẫn phát thanh truyền hình" nếu tổ chức đề nghị thiết lập mạng truyền dẫn phát thanh truyền hình.
- Đánh dấu "X" vào ô "khác" nếu mục đích sử dụng của tổ chức nằm ngoài các mục đích trên và ghi cụ thể.

Điểm 3. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng tuyến vi ba đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới (tương ứng với số tuyến) vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 4. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 5. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có)

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai cho một tuyến truyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều tuyến vi ba. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ của Phụ lục.
- Kê khai tất cả các thông số trong Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.
- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung trong Phụ lục 1 khi sửa đổi, bổ sung, các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

I. Thông số của trạm

- Điểm 1. Hồ hiệu đề nghị được sử dụng cho thiết bị thu/phát, có thể lấy tên trụ sở làm hồ hiệu.
- Điểm 2,3. Ghi kinh độ, vĩ độ của vị trí đặt ăng-ten của mỗi thiết bị ở dạng thập phân, ví dụ: 105,2460 đông.
- Điểm 4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.
- Điểm 5. Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

II. Chi tiết thông số kỹ thuật

- Điểm 1. kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- Điểm 2. Ghi tên hãng sản xuất của thiết bị.
- Điểm 3,4. Ghi dải tần mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- Điểm 5. Ghi các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép chọn lựa. Ví dụ: QPSK, BPSK,...
- Điểm 6. Ghi bước nhảy tần của thiết bị, là khoảng cách giữa hai tần số kế tiếp nhau mà thiết bị cho phép lựa chọn trong dải tần nêu trên.
- Điểm 7. Ghi công suất phát (dBm).
- Điểm 8. Ghi hệ số tạp âm (theo đơn vị dB) của máy thu.
- Điểm 9. Ghi tần số phát đề nghị (theo đơn vị MHz).
- Điểm 10. Ghi băng thông của thiết bị (theo đơn vị MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.
- Điểm 11. Ghi tốc độ truyền dẫn tối thiểu của cặp vi ba (theo đơn vị Mbit/s).
- Điểm 12. Ghi độ nhạy của máy thu theo đơn vị dBm.
- Điểm 13. Ghi suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát.
- Điểm 14. Ghi dự trữ pha-đỉnh theo đơn vị dB.

III. Thông số kỹ thuật của ăng-ten.

- Điểm 1,2. Tên ăng-ten và hãng sản xuất được ghi trên ăng-ten.
- Điểm 3. Hướng tính của ăng-ten (có hướng hay vô hướng).
- Điểm 4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).
- Điểm 5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).
- Điểm 6. Khai phân cực của ăng-ten như thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn, ...
- Điểm 7. Hệ số khuếch đại ghi theo đơn vị dBi.
- Điểm 8. Giản đồ bức xạ: Đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giản đồ ; Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

IV. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép:

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải kí, ghi rõ họ tên và có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

www.LuatVietnam.vn

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động)

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|--|--|--|--|
| 1. TÊN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép) | Số | | Ngày cấp |
| | Cấp tại | | |
| 1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép) | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.3. Giấy phép viễn thông | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| | Thời hạn sử dụng: | từ ngày | đến ngày |
| 1.4. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý |
| 1.5. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.6. Địa chỉ trụ sở chính / thường trú | | | |
| 1.7. Số FAX/ Số điện thoại | | 1.8. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email) | |
| 2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ | | | |
| <input type="checkbox"/> Cấp mới cho mạng thông tin | | (..... tờ của Phụ lục 1) | |
| <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số | | (..... tờ của Phụ lục 2) | |
| <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép | | (.....tờ của Phụ lục 1) | |
| <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số..... | | (.....tờ của Phụ lục 3) | |
| 3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | |
| 4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 5.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 5.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

Cấp mới **Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số**
Tờ số:/ tổng số tờ của Phụ lục 1:

| | | | |
|--|-----------------------------|--|-----------------|
| 1. Tổng số thiết bị trong mạng | | 2. Giờ liên lạc | |
| 3. Phạm vi hoạt động | | | |
| 4. Sử dụng mã hoá (khi dùng chung tần số) | | <input type="checkbox"/> Có . Loại mã: | |
| | | <input type="checkbox"/> Không | |
| 5. Cấu hình mạng | | <input type="checkbox"/> Đơn công | |
| | | <input type="checkbox"/> Song công/ Bán song công | |
| | | - Khoảng cách thu/phát tối thiểu (kHz): | |
| | | - Khoảng cách thu/phát tối đa (kHz): | |
| 6. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép | | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm | |
| | | Khác:..... | |
| 7. Mục đích sử dụng | | | |
| 8. Thông số kỹ thuật và khai thác của các loại thiết bị di động | | | |
| Loại thiết bị (số lượng) | | | |
| Thông số kỹ thuật | | | |
| 8.1. Số giấy chứng nhận hợp quy | | | |
| 8.2. Các mức công suất phát (W) | | | |
| 8.3. Kiểu điều chế | | | |
| 8.4. Phương thức phát | | | |
| 8.5 Dải thông(kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s) | | | |
| 8.6. Dải tần thiết bị | | Phát | |
| | | Thu | |
| 8.7. Ăng-ten | Dải tần làm việc | | |
| | Hệ số khuếch đại (dBi) | | |
| | Độ cao (so với mặt đất) (m) | | |
| 8.8. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ | | | |
| 8.9. Kinh độ , vĩ độ <i>Chỉ áp dụng cho mạng nội bộ (vị trí trung tâm của vùng hoạt động)</i> | | ° ' " E | ° ' " N |

| | | | |
|---|----------------------------|--|--|
| 8.10. Hồ hiệu của thiết bị VTĐ di động đề nghị | | | |
| 9. Thông số kỹ thuật và khai thác của các thiết bị cố định | | | |
| Thiết bị | | | |
| Thông số kỹ thuật | | | |
| 9.1. Số giấy chứng nhận hợp quy | | | |
| 9.2. Các mức công suất phát (W) | | | |
| 9.3. Kiểu điều chế | | | |
| 9.4. Phương thức phát | | | |
| 9.5. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s) | | | |
| 9.6. Dải tần thiết bị | Phát | | |
| | Thu | | |
| 9.7. Địa điểm đặt thiết bị (Thôn, xã, phường, quận, huyện) | | | |
| 9.8. Hồ hiệu đề nghị | | | |
| 9.9. Ăng-ten | Kiểu | | |
| | Dải tần làm việc | | |
| | Hệ số khuếch đại | | |
| | Kích thước | | |
| | Độ cao (so với mặt đất)(m) | | |
| | Kinh độ (° ' " E) | | |
| | Vĩ độ (° ' " N) | | |
| Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°) | | | |
| 9.10. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ | | | |
| 10. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTD (Mẫu 1g)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1g: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép, sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng có sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp di động.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên hợp pháp của tổ chức/ hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh nhân dân (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp của cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Chỉ áp dụng cho trường hợp quy định của pháp luật viễn thông yêu cầu cần phải có giấy phép viễn thông tương ứng.

Điểm 1.4. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.5. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.6. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, của hộ kinh doanh, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.7. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng)

Điểm 1.8. Chi áp dụng đối với tổ chức hoặc hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng mạng thông tin vô tuyến điện đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống (tương ứng với số lượng mạng thông tin vô tuyến điện). Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có)

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.
 - Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.
 - Kê khai tất cả các thông số trong Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.
 - Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.
1. Ghi rõ tổng số thiết bị có trong mạng, bao gồm cả thiết bị cố định và di động.
 2. Giờ liên lạc: Ghi giờ liên lạc đề nghị, nếu liên lạc vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx", nếu liên lạc tất cả thời gian trong ngày thì ghi "H24".
 3. Phạm vi hoạt động : Kê khai phạm vi lưu động: lưu động trong phạm vi nào: số nhà, đường, phường(xã), quận(huyện), thành phố(tỉnh)/ khu vực... / toàn quốc.
 4. Chi áp dụng đối với trường hợp dùng chung tần số. Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.
 5. Cấu hình mạng: Đánh dấu "X" vào ô "đơn công" nếu mạng hoạt động ở chế độ đơn công hoặc "Song công/Bán song công nếu mạng hoạt động ở chế độ Song công/Bán song công và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị KHz.

6. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).
7. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị VTĐ cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...
8. **Thông số kỹ thuật và khai thác của các loại thiết bị di động:** Kê khai theo loại thiết bị, không kê khai từng thiết bị. Mỗi loại thiết bị di động được khai vào một cột. Kê khai tên thiết bị, ký hiệu (model) của thiết bị và số lượng thiết bị cùng loại đó vào hàng trên cùng của mỗi cột.
 - 8.1. Số giấy chứng nhận hợp quy: Kê khai số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.
 - 8.2. Các mức công suất phát (W): Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...
 - 8.3. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị. Ví dụ: AM, FM, PSK, ...
 - 8.4. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...
 - 8.5. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s): Kê khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó theo đơn vị Kb/s.
 - 8.6. Dải tần thiết bị. Là dải tần phát/thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
 - 8.7. Ăng-ten:
 - Dải tần làm việc: Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.
 - Hệ số khuếch đại (dBi): Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten
 - Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m)
 - 8.8. Chi áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:
 - Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng, tên thiết bị, tổng số thiết bị bổ sung tương ứng với từng loại và kê khai toàn bộ thông số.
 - Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: số lượng thay thế, cho thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới. Nếu thiết bị mới thay thế thuộc loại khác so với thiết bị cũ thì phải kê khai toàn bộ thông số.
 - Ghi huỷ bỏ đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.
 - 8.9. Đối với mạng nội bộ thì kê khai kinh độ, vĩ độ của vị trí trung tâm của vùng hoạt động theo độ, phút, giây.
 - 8.10. Hồ hiệu của thiết bị VTĐ di động đề nghị: Liệt kê các hồ hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: Khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hồ hiệu đã được ghi trong giấy phép)
9. **Thông số kỹ thuật và khai thác của các thiết bị cố định:** Mỗi thiết bị được khai vào một cột. Ghi tên thiết bị, ký hiệu (model) vào hàng trên cùng của mỗi cột.
 - 9.1. Số giấy chứng nhận hợp quy: Kê khai số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.
 - 9.2. Các mức công suất phát (W): Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...
 - 9.3. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị. Ví dụ: AM, FM, PSK, ...
 - 9.4. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...
 - 9.5. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s): Kê khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó theo đơn vị Kb/s.
 - 9.6. Dải tần thiết bị: Là dải tần phát/thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

- 9.7. Kê khai địa điểm đặt thiết bị (Thôn, xã, phường, quận, huyện).
- 9.8. Hồ hiệu đề nghị: Liệt kê các hồ hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hồ hiệu đã được cấp phép).
- 9.9. Ăng-ten:
- Kiểu: Kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog. VD: Cản, Dipol...
 - Dài tần làm việc: Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.
 - Hệ số khuếch đại (dBi): Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten.
 - Kích thước: Kê khai kích thước của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).
 - Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).
 - Kinh độ, vĩ độ: kê khai vị trí lắp đặt ăng-ten chính xác đến độ, phút, giây.
 - Góc phương vị của hướng bức xạ chính (o): là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.
- 9.10. Chỉ áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:
- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng, loại thiết bị, tổng số thiết bị bổ sung tương ứng với từng loại và kê khai toàn bộ thông số.
 - Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: số lượng thay thế, cho loại thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới. Nếu thiết bị mới thay thế thuộc loại khác so với thiết bị cũ thì phải kê khai toàn bộ thông số.
 - Ghi huỷ bỏ đối với trường hợp huỷ bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị loại nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.
10. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải kí, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài tàu)

- CHÚ Ý:** 1. Không áp dụng đối với thiết bị thông tin vệ tinh ngoài hệ thống GMDSS.
2. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
3. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|--|---|---------------------------------|---------------------------------------|
| 1. TÊN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép) | Số | | Ngày cấp |
| | Cấp tại | | |
| 1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức) | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp: | | |
| 1.3. Tài khoản | Số: | | |
| | Ngân hàng | | |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý | <input type="checkbox"/> Không đồng ý |
| 1.4. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.5. Địa chỉ trụ sở chính / thường trú | | | |
| 1.6. Số FAX/ Số điện thoại | 1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động) | | |
| 2. TÊN CHỦ TÀU : | | | |
| 3. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ | <input type="checkbox"/> Cấp mới cho đài tàu | | (..... tờ của Phụ lục 1) |
| | <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số | | (..... tờ của Phụ lục 2) |
| | <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép | | (.....tờ của Phụ lục 1) |
| | <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số..... | | (.....tờ của Phụ lục 3) |
| 4. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
| 5. MÃ NHẬN DẠNG CƠ QUAN THANH TOÁN VIỆN THÔNG QUỐC TẾ | | | |
| 6. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 7. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 7.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 7.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. | | | |
| 7.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 7.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 7.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)

Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số
Tờ số:/ tổng số tờ của Phụ lục 1:

| 1. TÊN TÀU | 2. LOẠI TÀU (SÔNG, BIỂN,...) | | | | |
|---|--|-----------------------------|-----------------------|---|---------------------|
| 3. SỐ GỌI CHỌN: | | | | | |
| 4. TỔNG DUNG TÍCH: | 5. SỐ CHỖ | | | | |
| 6. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG (VÙNG BIỂN A1; A2; A3; A4,) | | | | | |
| 7. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:..... | | | | |
| 8. ĐẶC ĐIỂM THIẾT BỊ PHÁT HOẶC THU - PHÁT VTD TRANG BỊ TRÊN TÀU | | | | | |
| LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF) | TÊN THIẾT BỊ | BỔ SUNG/THAY THẾ/ HỦY BỎ | CÔNG SUẤT PHÁT (W) | DÀI TẦN HOẠT ĐỘNG từ . . . đến . . . (MHz) | PHƯƠNG THỨC PHÁT |
|  | | | | | |
| 9. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | | | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTĐ (Mẫu 1h)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu-
Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An
Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân
cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành
phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1h: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ (không áp dụng cho thiết bị thông tin vệ tinh ngoài hệ thống GMDSS); gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho đài tàu.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên của hộ kinh doanh hoặc tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh nhân dân (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp của cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, của hộ kinh doanh địa

chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

- Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.7. Chỉ áp dụng đối với tổ chức hoặc hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Viết hoa tên của chủ tàu (ví dụ: NGUYỄN VĂN A).
- Điểm 3. Tổng hợp thông tin đề nghị:
- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng đài tàu đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống (tương ứng với số lượng đài tàu cấp mới). Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục dành cho trường hợp cấp mới.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
 - Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kì nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.
- Điểm 4. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 5. Mã nhận dạng cơ quan thanh toán viễn thông quốc tế: Ghi mã của cơ quan đại diện mà chủ tàu đăng ký thanh toán cước viễn thông quốc tế qua cơ quan đó, ví dụ VT01, VT02,...
- Điểm 6. Ghi thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.
 - Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Phụ lục.
 - Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục nếu đề nghị cấp mới. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.
 - Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục bổ sung, sửa đổi.
1. Viết hoa tên tàu: (ví dụ: VINALINES). Lưu ý: ghi tên tàu đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.
 2. Loại tàu: ghi rõ tàu khách, tàu sông, tàu đánh bắt cá,
 3. Số gọi chọn: là dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.
 4. Tổng dung tích: ghi tổng dung tích của tàu theo giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. kê khai số chỗ của tàu (đối với tàu khách, ghi theo giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp).
6. kê khai phạm vi hoạt động của tàu biển (ví dụ: vùng biển A1, A2, A3, A4 ...) đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép.
7. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép tần số và thiết bị phát sóng VTD: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).
8. Đặc điểm thiết bị phát hoặc thu-phát VTD trang bị trên tàu: Mỗi loại thiết bị được kê khai vào một dòng.
 - Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)
 - Tên thiết bị: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị
 - Bổ sung/ Thay thế/ Huy bỏ: áp dụng cho trường hợp sửa đổi bổ sung:
 - o Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào và khai đầy đủ các thông số.
 - o Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: loại thiết bị nào trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới và khai đầy đủ các thông số nếu thiết bị thay thế là thiết bị thuộc loại mới.
 - o Ghi huy bỏ đối với trường hợp huy bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị nào theo quy định của giấy phép đã được cấp.
 - Công suất phát (W): Kê khai mức công suất phát của thiết bị
 - Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz)
 - Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....
9. Thông tin bổ sung: ghi các thông tin bổ sung nếu có.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày , ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải kí, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá)

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|--|---|--|---------------------------------------|
| 1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép) | Số | | Ngày cấp |
| | Cấp tại | | |
| 1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức) | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.3. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý | <input type="checkbox"/> Không đồng ý |
| 1.4. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.5. Địa chỉ trụ sở chính / thường trú | | | |
| 1.6. Số FAX/ Số điện thoại | | 1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email) | |
| 2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ | <input type="checkbox"/> Cấp mới cho thiết bị | | (..... tờ của Phụ lục 1) |
| | <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số | | (..... tờ của Phụ lục 2) |
| | <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép | | (.....tờ của Phụ lục 1) |
| | <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số..... | | (.....tờ của Phụ lục 3) |
| 3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | |
| 4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 5.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 5.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan (đối với tổ chức) hoặc xác nhận của UBND phường, xã nơi ở hiện tại (dùng cho trường hợp cá nhân không có chứng minh nhân dân) (ký tên và đóng dấu)

Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Phụ lục 1:

| 1. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC CỦA ĐÀI VỎ TUYẾN ĐIỆN: | |
|--|--|
| Tham số kỹ thuật | Thiết bị phát |
| 1.1. Số giấy chứng nhận hợp quy | |
| 1.2. Công suất phát tối đa | |
| 1.3. Phương thức phát | |
| 1.4. Dải tần thiết bị | Phát |
| | Thu |
| 1.5. Địa điểm đặt (thôn, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố) | |
| 1.6. Anten | Kiểu |
| | Kích thước (m) |
| | Độ cao so với mặt đất (m) |
| 1.7. Hồ hiệu đề nghị | |
| 1.8. Giờ hoạt động | |
| 1.9. Đối tượng liên lạc | |
| 2. Sử dụng mã hoá (khi dùng chung tần số) | <input type="checkbox"/> Có. Loại mã: <input type="checkbox"/> Không |
| 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:..... |
| 4. Mục đích sử dụng | |
| 5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG: | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTD (Mẫu 1i)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1i: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên của hộ kinh doanh hoặc tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số, ngày cấp, nơi cấp của chứng minh nhân dân (hộ chiếu) đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, của hộ kinh doanh địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng)

Điểm 1.7. Chỉ áp dụng đối với tổ chức hoặc hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kì nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai một đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều Phụ lục nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.
- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.
- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Các thông số kỹ thuật, khai thác của đài VTĐ:

Thiết bị phát: Kê khai tên thiết bị, ký hiệu (model) của thiết bị vào hàng trên cùng của cột.

1.1. Số giấy chứng nhận hợp quy: Kê khai số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.

1.2. Công suất phát tối đa: Kê khai công suất phát tối đa của thiết bị.

1.3. Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng (theo thiết kế chế tạo của thiết bị). Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E.

1.4. Dải tần thiết bị: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).

1.5. Địa điểm đặt (thôn, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố): Kê khai theo địa điểm đặt thiết bị.

1.6. Ăng-ten:

- Kiểu: Kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog. VD: Cản, Dipol...

- Kích thước (m): Kê khai kích thước của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m)
- Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).
- 1.7. Hồ hiệu đề nghị: Liệt kê các hồ hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi hoạt động phải sử dụng các hồ hiệu đã được cấp phép).
- 1.8. Giờ hoạt động: kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”, nếu hoạt động trong thời gian toàn bộ ngày thì ghi “H24”.
- 1.9. Đối tượng liên lạc: kê khai hồ hiệu của phương tiện nghề cá liên lạc với đài.
- 2. Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.
- 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép tần số và thiết bị phát sóng VTD: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- 4. Mục đích sử dụng: Kê khai mục đích sử dụng của đài, ví dụ liên lạc với phương tiện nghề cá của cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hay với phương tiện nghề cá của các cá nhân, tổ chức khác.
- 5. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày , ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan. Đối với các cá nhân không có chứng minh nhân dân (hoặc mất) phải có xác nhận của UBND phường, xã nơi ở hiện tại.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHO THIẾT BỊ VTĐ 1. Dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ;
2. Của đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao (trừ đài vệ tinh trái đất).

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|---|--|--|------------------------|
| 1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.2. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý | |
| 1.3. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.4. Địa chỉ trụ sở chính | | | |
| 1.5. Số FAX/ số điện thoại | | 1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email) | |
| 2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI <input type="checkbox"/> Cấp mới <input type="checkbox"/> Gia hạn <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc sửa đổi cho giấy phép số..... cấp ngày | | | |
| 3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG | | | |
| 4. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẶC GIA HẠN <input type="checkbox"/> 1 tháng <input type="checkbox"/> 2 tháng <input type="checkbox"/> 6 tháng Khác:..... | | | |
| 5. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | | |
| 6. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA THIẾT BỊ VTĐ | Tên thiết bị | Công suất phát (W) | Dải tần làm việc (MHz) |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | Địa điểm đặt |

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

7. THÔNG TIN BỔ SUNG

8. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT
 8.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.
 8.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
 8.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
 8.4. Kế khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

HƯỚNG DẪN**KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTD (MẪU 1k)****I/ PHÂN HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHÂN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1k: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ và đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.4. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.5. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.6. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

Điểm 3. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD cho mục đích: giới thiệu công nghệ, phục vụ thông tin

liên lạc cho đoàn đại biểu nước ngoài...

- Điểm 4. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “ 5 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/7/2015” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Điểm 5. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 6. Các thông số kỹ thuật của thiết bị vô tuyến điện
- Tên thiết bị: Kê khai tên, nhãn hiệu (model) của thiết bị.
 - Các mức công suất phát: Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...
 - Dải tần làm việc (MHz): Là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
 - Địa điểm đặt thiết bị: Đối với thiết bị đặt cố định, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh); Đối với thiết bị lưu động, khai đầy đủ lưu động bằng phương tiện gì (ví dụ: ô tô, tàu hoả,...), lưu động trong phạm vi nào.
- Điểm 7. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Người khai phải kí, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài vệ tinh trái đất)

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|--|---|--|----------|
| 1. TÊN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép) | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.2. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép) | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.3. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình qua vệ tinh | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| | Thời hạn sử dụng | từ ngày:..... đến ngày: | |
| 1.4. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý | |
| 1.5. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.6. Địa chỉ trụ sở chính / thường trú | | | |
| 1.7. Số FAX/ số điện thoại | 1.8. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email) | | |
| 2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ | <input type="checkbox"/> Cấp mới cho thiết bị (..... tờ Phụ lục1) | | |
| | <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số (..... tờ Phụ lục 2) | | |
| | <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép (..... tờ Phụ lục1) | | |
| | <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số (..... tờ Phụ lục 3) | | |
| 3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | |
| 4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 5. TỜ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 5.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 5.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

**PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

Cấp mới **Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số**
Tờ số:/ tổng số tờ của Phụ lục 1:

| | | | |
|---|--|---|--|
| I. THÔNG TIN CHUNG | | | |
| 1. Địa điểm đặt thiết bị: | | | |
| 2. Mục đích sử dụng | <input type="checkbox"/> Thiết lập mạng viễn thông công cộng | <input type="checkbox"/> Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng | |
| | <input type="checkbox"/> Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH | <input type="checkbox"/> Khác: | |
| 3. Thời hạn đề nghị cấp phép | <input type="checkbox"/> 1 năm | <input type="checkbox"/> 2 năm | <input type="checkbox"/> 3 năm |
| | Khác: | | |
| II. THÔNG TIN KỸ THUẬT CỦA ĐÀI | | | |
| 1. Hồ hiệu (tên/ mã đài) | | | |
| 2. Loại đài: | <input type="checkbox"/> Đài vệ tinh trái đất đặt trên máy bay <input type="checkbox"/> Đài vệ tinh trái đất di động <input type="checkbox"/> Đài vệ tinh trái đất đặt trên tàu biển <input type="checkbox"/> Đài vệ tinh trái đất cố định <input type="checkbox"/> Loại khác: | | |
| 3. Loại thiết bị | <input type="checkbox"/> Cả thu và phát <input type="checkbox"/> Chỉ phát <input type="checkbox"/> Chỉ thu | | |
| 4. Tên thiết bị/ Hãng sản xuất | / | | |
| 5. Tần số phát đề nghị / dải tần phát (MHz) | / từ đến (MHz) | | |
| 6. Tần số thu đề nghị / dải tần thu (MHz) | / từ đến (MHz) | | |
| 7. Công suất phát EIRP (dBW) | | | |
| 8. Phương thức phát/ phương thức thu | Phát:..... / Thu:..... | | |
| 9. Độ rộng băng thông cần thiết (MHz) | Phát:..... / Thu:..... | | |
| 10. Kiểu điều chế / Tốc độ truyền dẫn tối thiểu (Mb/s) | / | | |
| III. THÔNG TIN VỀ ĂNG-TEN | | | |
| 1. Tên ăng-ten (Model)/ Hãng sản xuất | | | |
| 2. Đường kính (m) | | 3. Vị trí đặt ăng-ten |E.....'.....";N.....'....." |
| 4. Độ rộng búp sóng phát / thu (°) | Phát:..... / Thu:..... | | |
| 5. Hệ số khuếch đại phát/ thu (dBi) | Phát:..... / Thu:..... | | |
| 6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°) |/ | 7. Góc ngẩng (°) | |
| 8. Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m) | | | |
| 9. Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m) | | | |
| 10. Phân cực phát | Tuyến tính: <input type="checkbox"/> Đứng và/hoặc <input type="checkbox"/> Ngang Tròn : <input type="checkbox"/> Trái và/hoặc <input type="checkbox"/> Phải | | |
| 11. Phân cực thu | Tuyến tính: <input type="checkbox"/> Đứng và/hoặc <input type="checkbox"/> Ngang Tròn : <input type="checkbox"/> Trái và/hoặc <input type="checkbox"/> Phải | | |
| 12. Giản đồ bức xạ phát | <input type="checkbox"/> REC-580 (ITU) <input type="checkbox"/> REC-465 (ITU) <input type="checkbox"/> AP28 hoặc AP29 <input type="checkbox"/> Khác: | | |
| 13. Giản đồ bức xạ thu | <input type="checkbox"/> REC-580 (ITU) <input type="checkbox"/> REC-465 (ITU) <input type="checkbox"/> AP28 hoặc AP29 <input type="checkbox"/> Khác: | | |
| 14. Thời gian dự định đưa vào khai thác | từ | 15. Giờ hoạt động | |
| IV. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ | | | |
| 1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU/ Tên thương mại của vệ tinh | / | | |
| 2. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh | | | |
| 3. Cơ quan quản lý vệ tinh | | | |
| 4. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°) | | | |
| 5. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp | | | |
| 6. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài vệ tinh trái đất | Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW)..... | | |
| 7. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài vệ tinh trái đất | Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K): | | |
| 8. Ký hiệu búp sóng vệ tinh | Phát:..... / Thu:..... | | |
| 9. Thông tin bổ sung | | | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTD (Mẫu 1m)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:**Khu vực 1:** 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913**Khu vực 5:** 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420**Khu vực 2:** Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966**Khu vực 6:** Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518**Khu vực 3:** Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707**Khu vực 7:** Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.**Khu vực 4:** 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760**Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.**II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:****Mẫu 1m:** Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài vệ tinh trái đất.**Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.**Điểm 1.** Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức/ cá nhân đề nghị cấp giấy phép.**Điểm 1.1.** (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép) Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp.**Điểm 1.2.** (áp dụng đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp phép) Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của cá nhân.**Điểm 1.3.** Áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất thuộc mạng viễn thông đã được cấp giấy phép; cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình:

- Đối với đài vệ tinh trái đất thuộc mạng viễn thông đã được cấp giấy phép: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp của Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan.

- Đối với cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp của Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình qua vệ tinh .

Điểm 1.4. Ghi số tài khoản của tổ chức, cá nhân và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, cá nhân mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.**Điểm 1.5.** Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Mẫu 1m

- Điểm 1.6. Ghi địa chỉ khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp hoặc địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.
- Điểm 1.7. Ghi số điện thoại/ số Fax của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.8. (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp) Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:
- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
 - Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.
- Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có)

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác của đài vệ tinh trái đất

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung
- Mỗi thiết bị kê khai trong một tờ khai của Phụ lục. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.
- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục khi đề nghị cấp mới..
- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

I. Thông tin chung

1. Địa điểm đặt thiết bị: Ghi theo địa chỉ hành chính (xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố))
2. Mục đích sử dụng: Đánh dấu "X" vào các mục đích tương ứng.
3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

II. Thông tin kỹ thuật của đài

1. Hồ hiệu (tên/mã trạm): Kê khai tên/mã trạm mặt đất được phép sử dụng .
2. Loại đài: Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (đài vệ tinh trái đất đặt trên máy bay/ đài vệ tinh trái đất di động/ đài vệ tinh trái đất đặt trên mặt đất/ đài vệ tinh trái đất đặt trên tàu biển/ khác: ghi cụ thể)

3. Loại thiết bị: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)
4. Tên thiết bị/ Hãng sản xuất: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị/ Ghi tên hãng sản xuất của thiết bị.
5. Tần số phát đề nghị/ dải tần phát (MHz): Ghi tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz, ví dụ: 5000/ từ 5 đến 10 (MHz).
6. Tần số thu đề nghị/ dải tần thu (MHz): Ghi tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz, ví dụ: 5000/ từ 5 đến 10 (MHz)
7. Công suất phát EIRP (dBW): ghi mức công suất tại đầu ra ăng – ten theo đơn vị dBW
8. Phương thức phát/thu: Kê khai tất cả các phương thức phát và phương thức thu sẽ sử dụng, (ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E).
9. Kê khai độ rộng băng thông cần thiết, ví dụ 5 MHz.
10. Kiểu điều chế/ Tốc độ truyền dẫn tối thiểu (Mb/s): ghi kiểu điều chế của thiết bị như 16QAM, QPSK, FM/ Ghi tốc độ truyền theo đơn vị Mb/s. Ví dụ kê khai: 16QAM/10.

III. Thông tin về ăng ten

1. Tên ăng-ten (Model)/Hãng sản xuất: Khai tên và ký hiệu ăng-ten theo Catalog hoặc ghi rõ ăng-ten thuộc loại nào (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...)/ Khai tên hãng sản xuất ăng-ten.
2. Đường kính (m): Là đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m)
3. Vị trí đặt ăng-ten: Kê khai tọa độ đặt ăng-ten chính xác đến độ, phút, giây.
4. Độ rộng búp sóng phát / thu (°): Ghi độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (°), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11
5. Hệ số khuếch đại phát / thu (dBi): Ghi hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9
6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất: Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.
 - Ghi góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng – ten quay, ví dụ: 15 / 10
 - Ghi một giá trị khi ăng-ten cố định.
7. Góc ngẩng: Là góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).
8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ bộ tiếp điện (feed horn) của ăng-ten đến mặt đất.
9. Độ cao so với mực nước biển: là độ cao của ăng-ten so với mực nước biển.
10. Phân cực phát: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “x” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”
11. Phân cực thu: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “x” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”
12. Giản đồ bức xạ phát: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten
13. Giản đồ bức xạ thu: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten
14. Thời gian dự định đưa vào khai thác: Ghi rõ thời gian mà tổ chức dự định đưa hệ thống vào khai thác (ngày/tháng/năm), ví dụ: 18/02/2010.
15. Giờ hoạt động: kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”, nếu hoạt động liên tục trong ngày thì ghi “H24”.

IV. Thông tin về quá vệ tinh và phối hợp

Mẫu 1m

1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU/ tên thương mại: Tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. (Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E), ví dụ cách ghi: INTELSAT8 174E / IS802@174°E.
2. Mã hồ sơ đăng ký (Special Section): Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định, lấy từ hồ sơ của vệ tinh đã đăng ký với ITU. (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311)
3. Cơ quan quản lý vệ tinh: Ghi tên tổ chức hoặc quốc gia cung cấp vệ tinh (Ví dụ: Intelsat, Inmarsat, Mỹ, Trung Quốc,...)
4. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây
5. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: Khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)
6. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: Khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.
7. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: Khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.
8. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: Trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: Búp sóng phát của vệ tinh sẽ là búp sóng phát của đài vệ tinh trái đất và ngược lại
9. Thông tin bổ sung: ghi các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải kí, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TÀN

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|---|--|--------------------------------|--|
| 1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| | Thời hạn sử dụng | Từ ngày: Đến ngày: | |
| 1.3. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý |
| 1.4. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.5. Địa chỉ trụ sở chính | | | |
| 1.6. Số FAX/Số điện thoại | | | 1.7. Người kê khai (Số điện thoại CD/Di động/E-mail) |
| 2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG | | | |
| 3. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | <input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 5 năm <input type="checkbox"/> 10 năm Khác:..... | | |
| 4. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | |
| 5. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI | <input type="checkbox"/> Cấp mới <input type="checkbox"/> Gia hạn <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số cấp ngày <input type="checkbox"/> Ngừng sử dụng giấy phép số cấp ngày | | |
| 6. PHẠM VI PHỦ SÓNG | | | |
| 7. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG | 7.1. Đoạn băng tần sử dụng | | |
| | 7.2. Công nghệ sử dụng | | |
| | 7.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ | | |
| | 7.2.2. Phát xạ giả | | |
| | 7.2.3. Phát xạ trong băng | | |
| | | 7.2.4. Phát xạ ngoài băng | |
| 8. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI | | | |
| 9. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 10. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 10.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 10.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. | | | |
| 10.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | | | |
| 10.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định | | | |

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)

Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người kê khai, ghi rõ họ tên

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TÀN (MẪU 2)

I/ PHÂN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHÂN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng băng tần; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng băng tần đã được cấp.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp thông tin di động nội vùng, ...

Điểm 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ

thẻ theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2019” (ghi theo ngày/tháng/năm).

- Điểm 4. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 5. Đánh dấu (X) vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, ngừng.
- Điểm 6. Ghi phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (tỉnh, thành phố) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Điểm 7. Các thông số kỹ thuật chung:
- 7.1. kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
- 7.2. kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
- 7.2.1. kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
- 7.2.2, 7.2.3, 7.2.4. kê khai phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng.
- Điểm 8. kê khai cấu hình mạng lưới.
- Điểm 9. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Người khai phải kí, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

(Đối với vệ tinh địa tĩnh)

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|--|---|--|--|
| 1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông | Số | | Ngày cấp: |
| | Cơ quan cấp | | |
| | Thời hạn sử dụng | từ ngày | đến ngày |
| 1.3. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý |
| 1.4. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.5. Địa chỉ trụ sở chính | | | |
| 1.6. Số FAX/ số điện thoại | | | 1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/Email) |
| 2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI | <input type="checkbox"/> Cấp mới <input type="checkbox"/> Gia hạn <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số cấp ngày <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số..... | | |
| 3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | |
| 4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 5. TỔ CHỨC (DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; | | | |
| 5.3. Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện | | | |
| 5.4. Chấp hành các qui định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh. | | | |
| 5.5. Nộp phí, lệ phí theo các qui định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có). | | | |
| 5.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

PHỤ LỤC
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

| I. Số liên vệ tinh | | | | | |
|--|--------------------------|----------|----------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| 1. Tên vệ tinh (tên thương mại) | | | | | |
| 2. Vị trí quỹ đạo | | | | | |
| 3. Nhà sản xuất vệ tinh: | | | | | |
| 4. Khung vệ tinh: | | | | | |
| 5. Ngày phóng vệ tinh: | | | | | |
| 6. Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh | | | | | |
| II. Bảng tần | | | | | |
| Băng tần | Dải tần số ấn định (MHz) | Phân cực | Số lượng bộ phát đáp | Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz) | Vùng phủ/vùng dịch vụ |
| S | | | | | |
| C | | | | | |
| X | | | | | |
| Ku | | | | | |
| Ka | | | | | |
| Tổng số bộ phát đáp sử dụng | | | | | |

III. Tham số hoạt động của vệ tinh

Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, gián đồ ăng-ten, . . .) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh viễn Thông quốc tế (ITU) tại hồ sơ mạng vệ tinh của mục IV

IV. Hồ sơ vệ tinh

(Vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ)

| | Hồ sơ 1 | Hồ sơ 2 | Hồ sơ 3 |
|---|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| 1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: (Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU) | | | |
| 2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: | | | |
| 3. Vị trí quỹ đạo: | | | |
| ▪ Độ lệch trái: | | | |
| ▪ Độ lệch phải: | | | |
| ▪ Độ lệch nghiêng: | | | |
| 4. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng: | | | |
| 5. Ngày xác định quyền ưu tiên | | | |
| 6. Mã hồ sơ | | | |
| ▪ API/A/ | | | |
| ▪ CR/C | | | |
| ▪ RES49/ | | | |
| ▪ Part II-S | | | |
| V. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép | <input type="checkbox"/> 1 năm | <input type="checkbox"/> 2 năm | <input type="checkbox"/> 5 năm |
| | <input type="checkbox"/> 10 năm | | |
| | Khác:..... | | |

VI. Điền vào khoảng trống các thông tin đề nghị, bổ sung

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3a)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3a: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh đã được cấp.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức hoặc doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, doanh nghiệp mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

- Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Đánh dấu (X) vào các ô tương ứng với mục đích cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc ngừng của bản khai.
- Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác

I. Số liệu vệ tinh

- Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.
- Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.
- Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.
- Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.
- Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày tháng năm giờ phút.
- Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức/ doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

II. Băng tần

- Băng tần: băng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: băng tần S, C, X, Ku, Ka.
- Dải tần số ấn định (MHz): Kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ: 3400-3700, 6425-6725.
- Phân cực : loại phân cực được vệ tinh sử dụng.

| | | | |
|------------|-------------------------------|---------|--------------------------------|
| Tuyến tính | <input type="checkbox"/> Đứng | và/hoặc | <input type="checkbox"/> Ngang |
| Tròn | <input type="checkbox"/> Trái | và/hoặc | <input type="checkbox"/> Phải |

- Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại băng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ băng tần Ku.
- Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

| Băng tần | Dải tần số ấn định (MHz) | Phân cực | Số lượng bộ phát đáp | Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz) | Vùng phủ |
|----------|--------------------------|----------|----------------------|--------------------------------------|----------|
| Ku | | | 12 | 36 | |
| | | | 01 | 54 | |

- Vùng phủ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại băng tần.

III. Tham số hoạt động của vệ tinh:

Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

IV. Hồ sơ vệ tinh

Mẫu 3a

1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: Là tên của vệ tinh (sattellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174^E.
2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.
3. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.
 - Độ lệch trái (theo độ): độ lệch về bên trái so với vị trí quỹ đạo.
 - Độ lệch phải (theo độ):
 - Độ lệch nghiêng (theo độ):
4. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng: Ghi theo ngày/tháng/năm
5. Ngày xác định quyền ưu tiên (Ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.
6. Mã hồ sơ đăng kí của vệ tinh: Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311)

V. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép:

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2020” (ghi theo ngày/tháng/năm).

VI. Ghi các thông tin đề nghị, bổ sung (nếu có)

Người khai phải kí, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

(Đối với vệ tinh phi địa tĩnh)

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

| | | | |
|--|--|--|-----------|
| 1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP | | | |
| 1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư | Số | | Ngày cấp |
| | Cơ quan cấp | | |
| 1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông | Số | | Ngày cấp: |
| | Cơ quan cấp | | |
| | Thời hạn sử dụng | từ ngày | đến ngày |
| 1.3. Tài khoản | Số | | |
| | Ngân hàng | | |
| | Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu | <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý | |
| 1.4. Địa chỉ liên lạc | | | |
| 1.5. Địa chỉ trụ sở chính | | | |
| 1.6. Số FAX/ số điện thoại | 1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/Email) | | |
| 2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI | <input type="checkbox"/> Cấp mới <input type="checkbox"/> Gia hạn <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số cấp ngày | | |
| 3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không | | |
| 4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG | | | |
| 5. TỔ CHỨC (DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT | | | |
| 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. | | | |
| 5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; | | | |
| 5.3. Chấp hành các qui định của pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện | | | |
| 5.4. Chấp hành các qui định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh. | | | |
| 5.5. Nộp phí, lệ phí theo các qui định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có). | | | |
| 5.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. | | | |

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

PHỤ LỤC
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

| I. Số liệu vệ tinh | | | | | |
|--|--------------------------|----------|----------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| 1. Tên vệ tinh (tên thương mại) | | | | | |
| 2. Số mặt phẳng quỹ đạo | | | | | |
| 3. Nhà sản xuất vệ tinh: | | | | | |
| 4. Khung vệ tinh: | | | | | |
| 5. Ngày phóng vệ tinh: | | | | | |
| 6. Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh | | | | | |
| II. Bảng tần | | | | | |
| Băng tần | Dải tần số ấn định (MHz) | Phân cực | Số lượng bộ phát đáp | Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz) | Vùng phủ/vùng dịch vụ |
| L | | | | | |
| S | | | | | |
| C | | | | | |
| X | | | | | |
| Ku | | | | | |
| Ka | | | | | |
| Tổng số bộ phát đáp sử dụng | | | | | |
| III. Tham số hoạt động của vệ tinh | | | | | |
| Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, giảm đồ ăng-ten, . . .) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh viễn thông quốc tế tại hồ sơ mạng vệ tinh của mục IV | | | | | |
| IV. Hồ sơ vệ tinh (vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ) | | | | | |
| | Hồ sơ 1 | Hồ sơ 2 | Hồ sơ 3 | | |
| 1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: (Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU) | | | | | |
| 2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: | | | | | |
| 3. Số mặt phẳng quỹ đạo: | | | | | |
| 4. Vật thể tham chiếu: | | | | | |

| | | | | | | | |
|--|-----------------|--|-----------------|--------------------------------|-------------------|--------------------------------|--|
| 5. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu | | | | | | | |
| Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo: | Góc nghiêng | Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này | Chu kỳ | Điểm Cận viễn (Km) | Điểm Cận cận (Km) | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| 6. Thông kê qui đạo có tần số tuân theo các điều khoản 9.11A, 9.12, 9.12A của Thẻ lệ vô tuyến thế giới | | | | | | | |
| Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo | Góc nghiêng | Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| 7. Đối với vệ tinh hoạt động trong băng tần tuân theo điều khoản 22.5C, 22.5D, 22.5F | | | | | | | |
| Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo | Góc nghiêng | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| 8. Ngày xác định quyền ưu tiên | | | | | | | |
| 9. Mã hồ sơ | | | | | | | |
| ▪ API/A/ | | | | | | | |
| ▪ CR/C | | | | | | | |
| ▪ RES49/ | | | | | | | |
| ▪ Part I-S | | | | | | | |
| ▪ Part II-S | | | | | | | |
| ▪ Part III-S | | | | | | | |
| 10. Băng tần | Từ tần số (MHz) | Tới tần số (MHz) | Từ tần số (MHz) | Tới tần số (MHz) | Từ tần số (MHz) | Tới tần số (MHz) | |
| | | | | | | | |
| IV. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ VÀ PHÍ | | <input type="checkbox"/> 1 năm | | <input type="checkbox"/> 2 năm | | <input type="checkbox"/> 5 năm | |
| | | <input type="checkbox"/> 10 năm | | Khác:..... | | | |
| V. Điền vào khoảng trống các thông tin đề nghị bổ sung | | | | | | | |
| | | | | | | | |

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3b)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3b: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh đã được cấp.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức hoặc doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, doanh nghiệp mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.

- Điểm 2. Đánh dấu (X) vào các ô tương ứng với mục đích cấp mới, gia hạn, sửa đổi bổ sung của bản khai.
- Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác

I. Số liệu vệ tinh

- Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.
- Số mặt phẳng quỹ đạo: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.
- Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.
- Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.
- Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày tháng năm giờ phút.
- Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức/ doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

II. Băng tần

- Băng tần: băng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: băng tần L, S, C, X, Ku, Ka.
- Dải tần số ấn định (MHz): Kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ:
3400-3700
6425-6725
- Phân cực : loại phân cực được vệ tinh sử dụng:

| | | | |
|------------|-------------------------------|---------|--------------------------------|
| Tuyến tính | <input type="checkbox"/> Đứng | và/hoặc | <input type="checkbox"/> Ngang |
| Tròn | <input type="checkbox"/> Trái | và/hoặc | <input type="checkbox"/> Phải |

- Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại băng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ băng tần Ku.
- Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

| Băng tần | Dải tần số ấn định (MHz) | Phân cực | Số lượng bộ phát đáp | Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz) | Vùng phủ |
|----------|--------------------------|----------|----------------------|--------------------------------------|----------|
| Ku | | | 12 | 36 | |
| | | | 01 | 54 | |

- Vùng phủ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại băng tần

III. Tham số hoạt động của vệ tinh:

Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

IV. Hồ sơ vệ tinh

- Hồ sơ vệ tinh với ITU: Là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: Vệ tinh

Mẫu 3b

ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E.

2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.
3. Số mặt phẳng quỹ đạo: Ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.
4. Vật thể tham chiếu: là trái đất, mặt trăng, mặt trời, ...
5. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo, chu kỳ, độ cao điểm Cực viễn tính theo Km, độ cao điểm Cực cận tính theo Km cho mỗi hồ sơ.
6. Thống kê quỹ đạo có ảnh hưởng tuân theo các điều khoản 9.11A, 9.12, 9.12A của Thể lệ vô tuyến thế giới bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mỗi mặt phẳng quỹ đạo cho mỗi hồ sơ.
7. Đối với vệ tinh hoạt động trong băng tần tuân theo điều khoản 22.5C, 22.5D, 22.5F bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng cho mỗi hồ sơ.
8. Ngày xác định quyền ưu tiên (Ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.
9. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh: Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).
10. Băng tần: ghi rõ tần số theo đơn vị MHz.

V. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh:

Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2020” (ghi theo ngày/tháng/năm).

VI. Ghi các thông tin đề nghị, bổ sung (nếu có)

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ TRẠM GÓC VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐƯỢC ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TRONG MẠNG THÔNG TIN VÔ TUYẾN ĐIỆN (Dùng cho giấy phép sử dụng băng tần)

*(Kèm theo Thông tư số 05/ 2015/ TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

www.LuatVietnam.vn

**DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ TRẠM GÓC VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐƯỢC ĐĂNG KÝ KHAI THÁC
TRONG MẠNG THÔNG TIN VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:
2. Địa chỉ liên lạc:
Số điện thoại:
Số fax:
3. Đặc điểm các thiết bị phát sóng vô tuyến điện đăng ký khai thác trong mạng thông tin vô tuyến điện

| STT | Địa điểm đặt (Xã/phường, quận/huyện, tỉnh) | Mã trạm (hoặc mã sector) | Nhãn hiệu thiết bị | Dải tần số (MHz) | Số kênh tần số | Công suất cực đại (W) | Anten | | | | | | | | Tên anten | Góc ngiêng | |
|-----|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------|--------------------------------|-------|--------------------------------|---------------|------------|-------|-----------------------------|----------|------------------------|--------------|---------------|---|
| | | | | | | | Kiểu | Hướng tính (D hay ND) | Kích thước | Kinh độ | Vĩ độ | Độ cao so với mặt đất | Phân cực | Hệ số khuếch đại | | | Góc phương vị của hướng bức xạ chính |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)*

PHỤ LỤC 4

THÔNG BÁO VỀ VIỆC CHO THUÊ, CHO MƯỢN THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Kèm theo Thông tư số 05/ 2015/ TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

www.LuatVietnam.vn

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC CHO THUÊ, CHO MƯỢN THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

KÍNH GỬI : CỤC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp cho thuê (cho mượn) thiết bị vô tuyến điện:

Địa chỉ liên lạc:

Số điện thoại:

Fax:

Số giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện:

2. Tên tổ chức, doanh nghiệp thuê (mượn) thiết bị vô tuyến điện:

Địa chỉ liên lạc:

Số điện thoại:

Fax:

3. Thực hiện cho thuê (cho mượn) thiết bị vô tuyến điện theo Hợp đồng cho thuê, cho mượn kèm theo thông báo này.

4. Bên cho thuê (cho mượn) và bên thuê (mượn) thiết bị vô tuyến điện cam kết:

- Thực hiện các quy định của giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện;
- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin.

Làm tại....., ngày.... tháng..... năm

*Xác nhận của tổ chức, cá nhân cho thuê
(cho mượn) thiết bị vô tuyến điện
(ký tên và đóng dấu)*